



**DDCI ĐẮK NÔNG
2023**

BÁO CÁO

**Đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành
và địa phương (DDCI) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023**

Tháng 12/2023

LỜI MỞ ĐẦU

Các tỉnh, thành phố trong cả nước đã và đang đẩy mạnh việc cải thiện hình ảnh địa phương, cải thiện môi trường kinh doanh qua đó thu hút đầu tư, hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp. Để cải thiện được môi trường kinh doanh thì phải biết đích xác, nhận diện cho được điểm nghẽn để gỡ bỏ, không chỉ quan tâm đến việc ban hành văn bản, chính sách, cơ chế phù hợp mà còn phải chú trọng đến chất lượng công tác thực thi. Bên cạnh đó, việc chuyển tải tư tưởng cải cách một cách thông suốt từ lãnh đạo tỉnh đến cán bộ các cấp, được xem là bước chuyển quan trọng. Ưu tiên cho cải cách không phải là chính sách nữa mà là công tác thực thi ở các sở, ngành, địa phương. Đó là lý do tỉnh Đắk Nông tiếp tục triển khai đánh giá năng lực điều hành kinh tế cấp sở ban ngành và địa phương năm 2023.

DDCI Đắk Nông năm 2023 do VCCI Đà Nẵng tư vấn triển khai thực hiện. Những thông tin, đánh giá trong DDCI Đắk Nông 2023 là những thông tin phản ánh từ cộng đồng doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, là đối tượng sử dụng dịch vụ công do các cơ quan nhà nước tại tỉnh cung cấp nhằm giúp chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế của các đơn vị qua đó giúp các nỗ lực cải thiện của tỉnh tập trung, mạnh mẽ và sâu rộng hơn.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo, góp ý và sự ủng hộ từ lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành và các địa phương thuộc tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện DDCI Đắk Nông 2023. Đặc biệt chân thành cảm ơn các ý kiến, góp ý quý báu của các chuyên gia trong quá trình xây dựng báo cáo. Cuối cùng, báo cáo này sẽ không thể hoàn thành nếu thiếu đi sự đồng hành của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã dành thời gian quý báu tham gia khảo sát DDCI Đắk Nông 2023.

Mặc dù có nhiều nỗ lực trong xây dựng báo cáo với cách làm khoa học, độc lập, khách quan nhưng do thời gian, nguồn lực có hạn, báo cáo không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự chia sẻ, phản hồi với tinh thần xây dựng của tất cả các đơn vị.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BQL	Ban quản lý
CNTT	Công nghệ thông tin
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và cấp huyện
DN	Doanh nghiệp
DVHCC	Dịch vụ hành chính công
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KCN	Khu công nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ,TB&XH	Lao động, Thương binh và Xã hội
MTKD	Môi trường kinh doanh
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
QLTT	Quản lý thị trường
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
TP	Thành phố
TT&TT	Thông tin và Truyền thông
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam
VH,TT&DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
TÓM TẮT.....	7
CHƯƠNG I – TỔNG QUAN DDCI ĐẮK NÔNG 2023	12
I. Mở đầu.....	12
II. Mục tiêu.....	12
III. Phương pháp triển khai DDCI Đắk Nông năm 2023	13
1. Quy trình triển khai.....	13
2. Thảo luận nhóm và tham vấn ý kiến chuyên gia.....	14
3. Nghiên cứu, tham khảo dữ liệu thứ cấp	14
IV. Bộ chỉ số DDCI Đắk Nông	14
1. Đối tượng tham gia khảo sát	14
2. Đối tượng được đánh giá.....	15
3. Các CSTP và tiêu chí đánh giá.....	15
4. Phương pháp tính điểm	15
V. Cách thức triển khai khảo sát.....	16
1. Mẫu khảo sát.....	16
2. Cách thức khảo sát DDCI Đắk Nông 2023	17
3. Đặc điểm đối tượng tham gia khảo sát	19
CHƯƠNG II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT	22
I. Tình hình và triển vọng kinh doanh.....	22
II. Kết quả khảo sát DDCI Đắk Nông 2023	23
1. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành	23
1.1. Kết quả tổng hợp DDCI cấp sở, ban, ngành theo các đơn vị	23
1.2. Kết quả DDCI cấp sở, ban, ngành theo các CSTP	25

2. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện.....	35
2.1. Kết quả tổng hợp DDCI cấp huyện theo các đơn vị.....	35
2.2. Kết quả DDCI cấp huyện theo các CSTP.....	37
3. Một số điểm lưu ý từ kết quả khảo sát DDCI.....	45
CHƯƠNG III –MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ.....	49
I. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo trong cán bộ công chức khi giải quyết công việc.	49
II. Tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng DN.....	50
III. Các giải pháp đồng bộ cải thiện chi phí thời gian	51
IV. Tăng tính hiệu quả trong giải quyết khó khăn, kiến nghị tại các đơn vị	53
V. Hệ thống hóa trình tự thủ tục, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phối hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy - Thực tiễn từ tỉnh Bình Định	55
PHỤ LỤC 1: Kết quả đánh giá DDCI Đắk Nông nhóm sở, ban, ngành	59
PHỤ LỤC 2: Kết quả đánh giá DDCI Đắk Nông cấp huyện	68

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Trọng số đánh giá nhóm sở, ban, ngành	16
Hình 2. Trọng số đánh giá cấp huyện	16
Hình 3. Phân loại đối tượng khảo sát	19
Hình 4. Chức vụ người trả lời khảo sát	19
Hình 5. Lĩnh vực kinh doanh	20
Hình 6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN	22
Hình 7. Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tiếp theo.....	22
Hình 8. Điểm tổng hợp DDCI nhóm sở, ban, ngành.....	23
Hình 9. Trung vị của các CSTP nhóm sở, ban, ngành.....	26
Hình 10. CSTP Tính minh bạch nhóm sở, ban, ngành	27
Hình 11. CSTP Tính năng động nhóm sở, ban, ngành	28
Hình 12. CSTP Chi phí thời gian nhóm sở, ban, ngành	29
Hình 13. CSTP Chi phí không chính thức nhóm sở, ban, ngành	30
Hình 14. CSTP Cạnh tranh bình đẳng nhóm sở, ban, ngành.....	31
Hình 15. CSTP Hỗ trợ DN nhóm sở, ban, ngành	32
Hình 16. CSTP Thiết chế pháp lý nhóm sở, ban, ngành	33
Hình 17. CSTP Vai trò người đứng đầu nhóm sở, ban, ngành.....	34
Hình 18. Điểm tổng hợp DDCI cấp huyện	35
Hình 19. Trung vị của các CSTP cấp huyện	38
Hình 20. CSTP Tính minh bạch cấp huyện.....	38
Hình 21. CSTP Tính năng động cấp huyện	39
Hình 22. CSTP Chi phí thời gian cấp huyện.....	40
Hình 23. CSTP Chi phí không chính thức cấp huyện	41
Hình 24. CSTP Cạnh tranh bình đẳng cấp huyện	42
Hình 25. CSTP Hỗ trợ DN cấp huyện.....	43
Hình 26. CSTP Thiết chế pháp lý cấp huyện.....	43
Hình 27. CSTP Vai trò người đứng đầu cấp huyện	44
Hình 28. Nguyên nhân cho việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số chưa đạt kỳ vọng của DN	45
Hình 29. Lưu đồ quy trình thực hiện đồng thời hai nhóm thủ tục	56

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Đối tượng được đánh giá	15
Bảng 2. Mẫu khảo sát DN	18
Bảng 3. Mẫu khảo sát HTX, HKD	18
Bảng 4. Tỷ lệ hồi đáp	18
Bảng 5. Số lao động đăng ký	20
Bảng 6. Số vốn đăng ký	20

TÓM TẮT

1. Tổng quan DDCI Đắk Nông

- Tổng số đơn vị được đánh giá trong DDCI Đắk Nông năm 2023 là 27 đơn vị, trong đó có 19 đơn vị nhóm sở, ban, ngành và 8 đơn vị thuộc nhóm cấp huyện. Số lượng đơn vị tham gia trả lời khảo sát là 1.004 đơn vị.

- Chỉ số DDCI Đắk Nông năm 2023 bao gồm 8 CSTP là: (1) Tính minh bạch, (2) Tính năng động, (3) Chi phí thời gian, (4) CPKCT, (5) Cạnh tranh bình đẳng, (6) Hỗ trợ DN, (7) Thiết chế pháp lý và (8) Vai trò người đứng đầu.

- DDCI Đắk Nông được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin thông qua khảo sát các DN, HTX, HKD trên địa bàn; (ii) Tính toán các CSTP và chuẩn hóa trên thang điểm 10 và (iii) Gán trọng số và tính điểm số DDCI tổng hợp gồm điểm của các CSTP trên thang điểm tối đa 100.

- Danh sách mẫu khảo sát DN, HTX, HKD được chọn ngẫu nhiên để đảm bảo tính khách quan từ danh sách DN, HKD, HTX đang hoạt động trong năm 2023 và danh sách DN, HKD, HTX từng thực hiện TTHC hoặc tương tác với các đơn vị trong năm.

2. Kết quả khảo sát

Tình hình hoạt động của DN, HKD, HTX:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của cộng đồng DN vẫn còn khó khăn, có đến 16% DN cho biết có kết quả kinh doanh thua lỗ.

- DN chủ yếu vẫn duy trì quy mô kinh doanh với tỷ lệ 79%, ngoài ra có 16% DN cho biết sẽ tăng quy mô kinh doanh trong vòng hai năm tiếp theo.

Kết quả khảo sát DDCI nhóm sở, ban, ngành

- Điểm số trung vị nhóm sở, ban, ngành trong năm 2023 là 65,68 điểm. Trong 8 CSTP đánh giá nhóm sở, ban, ngành, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng có điểm trung vị cao nhất 7,33 điểm, các CSTP có điểm trung vị¹ cao tiếp theo trong nhóm là Thiết chế pháp lý

¹ Trung vị là số nằm ở giữa trong một danh sách các số được sắp xếp tăng dần hoặc giảm dần và có thể mô tả nhiều hơn về tập dữ liệu so với giá trị trung bình

7,18 điểm và Tính minh bạch 6,91 điểm. Các CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong nhóm sở, ban, ngành là Chi phí thời gian 6,35 điểm; Tính năng động 6,18 điểm và Hỗ trợ DN 6,06 điểm.

- Sở TT&TT tỉnh là đơn vị có điểm số cao nhất trong cấp sở, ban, ngành với 71,02 điểm. Xếp sau lần lượt là VP UBND tỉnh (70,79 điểm) và Sở LĐ, TB&XH (70,35 điểm).

Kết quả khảo sát DDCI nhóm cấp huyện

- Trung vị điểm số tổng hợp DDCI nhóm cấp huyện là 63,07 điểm. Trong 8 CSTP, chỉ số có trung vị cao nhất là Vai trò người đứng đầu với 7,4 điểm, các CSTP có điểm trung vị cao tiếp theo trong nhóm là Tính minh bạch với 6,97 điểm và Cạnh tranh bình đẳng với 6,69 điểm. Các CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong nhóm là Thiết chế pháp lý 5,94 điểm; Hỗ trợ DN 5,84 điểm và Tính năng động là chỉ số có điểm trung vị thấp nhất trong 8 CSTP với 5,8 điểm.

- Huyện Đắk R'lấp là đơn vị điểm số DDCI tổng hợp cao nhất ở nhóm cấp huyện với 71,44 điểm. Các địa phương có vị thứ xếp hạng cao tiếp theo lần lượt là huyện Cư Jút với điểm số DDCI tổng hợp là 69,61 điểm và huyện Đắk Mil với điểm số DDCI tổng hợp là 68,88 điểm.

Một số điểm đáng chú ý qua các CSTP DDCI

- Theo kết quả khảo sát 53% DN cảm nhận việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện giúp doanh nghiệp tiết kiệm một phần thời gian thực hiện TTHC hoặc thủ tục liên quan. Tương tự có 55% DN được hỏi cảm nhận rằng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm một phần chi phí thực hiện TTHC hoặc thủ tục liên quan. Công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện còn nhiều dư địa để cải thiện nhằm đạt được đúng như yêu cầu, kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.

- Các CSTP Tính minh bạch và Cạnh tranh bình đẳng là các CSTP có điểm trung vị cao ở cả hai nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện. Ở chiều ngược lại các CSTP Tính năng động và Hỗ trợ DN là các CSTP có điểm trung vị thấp ở cả hai nhóm.

- Kết quả khảo sát cho thấy DN cảm nhận khá tích cực về "*Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin dễ dàng*" ở cả hai nhóm, nhóm sở, ban, ngành có trung vị là 85,7%, đối với cấp huyện trung vị cao hơn với 87,9%.

- Trong CSTP Tính năng động, cảm nhận của DN về tiêu chí "*Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi*" có trung vị ở mức khá cao, nhóm sở, ban, ngành có trung vị là 84,3% và trung vị cấp huyện là 87,7%, cả hai nhóm đều có trung vị tăng trong năm 2023.

- Tại CSTP Chi phí thời gian, tiêu chí "*Nội dung thanh, kiểm tra trùng lặp*" có trung vị giảm ở cả hai nhóm, trung vị tiêu chí này ở nhóm sở, ban, ngành là 17,4% và cấp huyện là 17%.

- Trong CSTP Tính minh bạch, tỷ lệ DN cảm nhận "*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN*" không quá cao và có xu hướng giảm ở cả hai nhóm. Tiêu chí "*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN*" ở nhóm sở, ban, ngành có trung vị 50,3% và ở cấp huyện là 46,1%.

- Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn ở cả hai nhóm có xu hướng gia tăng, ở nhóm sở, ban, ngành trung vị của tiêu chí này tăng 4,4% lên mức trung vị 16,8%; ở nhóm cấp huyện trung vị tăng 8,7% lên mức trung vị 21,8%.

- Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ DN có trả CPKCT đang có xu hướng gia tăng ở cả hai nhóm. Trong nhóm sở, ban, ngành tiêu chí này có trung vị là 7,5% và ở cấp huyện thì cao hơn với trung vị là 11%.

- DNNVV cảm nhận ít được sự quan tâm thường xuyên ở cả cấp sở, ban, ngành và cấp huyện. Có trung vị 74,6% DN cảm nhận cấp sở, ban, ngành chưa thường xuyên quan tâm đến DNNVV; đối với cấp huyện có trung vị 74,3% DN cảm nhận cấp huyện chưa thường xuyên quan tâm đến DNNVV.

- Trong CSTP Vai trò người đứng đầu, tỷ lệ DN cảm nhận "*Cấp thực thi chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành từ cấp lãnh đạo*" có trung vị 28,6% ở nhóm sở, ban, ngành và trung vị 35,4% ở cấp huyện.

3. Giải pháp, khuyến nghị

- Chú trọng tính năng động, dám nghĩ, dám làm trong công tác đánh giá cán bộ và lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ.

- Tỉnh cần duy trì và đẩy mạnh công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho DN, đặc biệt các vấn đề nổi cộm, tác động đến nhiều DN tại tỉnh. Nâng cao vai trò của các Hiệp hội, Hội DN trong việc tập hợp ý kiến của cộng đồng DN và phản ánh các ý kiến đến các đơn vị tại tỉnh có hiệu quả.

- Tiếp tục duy trì nỗ lực cải cách TTHC, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC, tăng cường thực hiện chuyển giao các thủ tục hành chính sang giải quyết bằng hành chính công trực tuyến.

- Tăng tính hiệu quả trong giải quyết khó khăn, kiến nghị của DN thông qua tăng cường năng lực cán bộ; giám sát chặt chẽ việc giải quyết khó khăn, kiến nghị; tăng cường phối hợp giải quyết khó khăn, kiến nghị giữa các đơn vị; tuyên truyền các quy định pháp luật về kiến nghị và các quy định có liên quan để DN nắm rõ; nghiên cứu triển khai áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử kết nối về việc tiếp nhận, giải quyết khó khăn, kiến nghị.

- Hệ thống hóa về trình tự thủ tục, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phối hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh - Thực tiễn tại tỉnh Bình Định.

Chương



TỔNG QUAN
DDCI ĐẮK NÔNG 2023

CHƯƠNG I – TỔNG QUAN DDCI ĐẮK NÔNG 2023

I. Mở đầu

Năm 2023 là năm thứ năm tỉnh Đắk Nông triển khai bộ chỉ số DDCI với sự tư vấn của VCCI Đà Nẵng. Khảo sát DDCI tổng hợp đánh giá của các DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh về chất lượng điều hành kinh tế của 8 TP, huyện và 19 sở, ban, ngành của tỉnh. Báo cáo DDCI Đắk Nông 2023 có bố cục gồm 3 phần chính:

- Chương I giới thiệu thông tin chung về bộ chỉ số, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, đặc điểm DN, HTX, HKD tham gia khảo sát.

- Chương II là kết quả khảo sát bao gồm các thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của DN trong năm 2023 và kết quả khảo sát DDCI theo nhóm sở, ban, ngành và nhóm cấp huyện.

- Chương III đề xuất một số khuyến nghị nhằm cải thiện MTKD, hỗ trợ DN.

Kết quả thu được từ khảo sát DDCI sẽ là nguồn thông tin quan trọng làm cơ sở cho các giải pháp cải thiện MTKD, hỗ trợ DN từ các sở, ban, ngành và địa phương.

II. Mục tiêu

Mục tiêu chính của đánh giá DDCI Đắk Nông là thúc đẩy cải thiện MTKD, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngoài ra trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh Đắk Nông, tham vấn ý kiến các cơ quan, tổ chức của tỉnh và các chuyên gia, các mục tiêu cụ thể của DDCI Đắk Nông 2023 như sau:

- Nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cấp sở, ban, ngành và lãnh đạo UBND các huyện, thành phố. Cung cấp cho lãnh đạo tỉnh bộ công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Tạo sự thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và cấp huyện từ đó tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, DN, HKD, HTX; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, DN, HKD, HTX tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành và cấp huyện. Trên cơ sở đó đánh giá công tác điều hành của các sở, ban, ngành và cấp huyện.

- Hỗ trợ lãnh đạo các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện xác định nhiệm vụ trọng tâm cần cải cách và triển khai các giải pháp kịp thời, phù hợp để cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị mình, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

III. Phương pháp triển khai DDCI Đắc Nông năm 2023

1. Quy trình triển khai

Quy trình triển khai DDCI Đắc Nông năm 2023 được chia thành bốn bước chính.



Bước 1. Hoàn thiện bộ chỉ số DDCI, phiếu khảo sát: Bộ chỉ số DDCI Đắc Nông được xây dựng trên việc nghiên cứu từ chỉ số PCI trên cơ sở áp dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn tại tỉnh. Bộ chỉ số, phiếu khảo sát đã được góp ý, hoàn thiện từ các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Bước 2. Tiến hành khảo sát đối với DN, HKD, HTX: Bưu điện tỉnh Đắc Nông là đơn vị trực tiếp triển khai khảo sát DDCI Đắc Nông 2023 đến các DN/HTX/HK. Các phiếu thu về được rà soát, kiểm tra nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời.

Bước 3. Tổng hợp, trích xuất dữ liệu từ phiếu khảo sát: Tất cả các phiếu khảo sát trực tiếp sau khi thu về được trích xuất đầy đủ các câu trả lời lên hệ thống. Tiến hành mã hóa các câu trả lời từ phiếu khảo sát.

Bước 4. Phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo: Đơn vị tư vấn thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI Đắc Nông năm 2023, tính toán điểm số và xếp hạng các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố từ đó xây dựng báo cáo tổng hợp về DDCI Đắc Nông năm 2023.

2. Thảo luận nhóm và tham vấn ý kiến chuyên gia

Ngoài việc phân tích, tổng hợp dữ liệu để xây dựng báo cáo, xuyên suốt quá trình thực hiện DDCI Đắk Nông, nhóm nghiên cứu áp dụng việc tham vấn ý kiến chuyên gia về các chỉ số thành phần, phương pháp tính điểm cũng như các giải pháp, đề xuất phù hợp với địa phương. Ngoài ra nhóm nghiên cứu đã phối hợp với các chuyên gia của VCCI trong suốt quá trình xây dựng báo cáo, tổ chức nhiều cuộc thảo luận nhóm nhằm hiệu chỉnh, đưa ra cách thức tối ưu và tổng hợp những góp ý nhằm xây dựng cuộc khảo sát và báo cáo DDCI của tỉnh có chất lượng. Trong quá trình dự thảo bộ chỉ số và dự thảo báo cáo DDCI, nhóm nghiên cứu gửi các tài liệu đến các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực có liên quan để có được những ý kiến tham vấn từ nhiều góc độ khác nhau.

3. Nghiên cứu, tham khảo dữ liệu thứ cấp

Để tăng thêm góc nhìn đa chiều về kết quả khảo sát, có thêm dữ liệu để đối chiếu với kết quả khảo sát và đảm bảo tính phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, nhóm nghiên cứu tìm hiểu thêm tình hình môi trường đầu tư, kinh doanh tỉnh Đắk Nông thông qua phân tích các nguồn thông tin thứ cấp từ các báo cáo tình hình kinh tế xã hội của tỉnh, báo cáo cải cách hành chính của tỉnh, dữ liệu từ Cục Thống kê và các phương tiện truyền thông...

IV. Bộ chỉ số DDCI Đắk Nông

1. Đối tượng tham gia khảo sát

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI Đắk Nông năm 2023 là các DN, HKD và HTX trong đó DN là đối tượng chủ yếu. Các DN tiến hành đánh giá với các sở, ban, ngành và cấp huyện mà các DN từng tương tác hoặc có các nguồn thông tin để cảm nhận, đánh giá. Đối với HKD và HTX, đây là các đối tượng thường tương tác, làm việc với các đơn vị ở cấp huyện, thành phố, ít khi có các tương tác với các đơn vị ở cấp sở, ban, ngành do đó HKD và HTX sẽ chỉ tập trung đánh giá các huyện, thành phố. Việc xác định đối tượng tham gia khảo sát tuân thủ 3 quy tắc: (1) Đảm bảo tính ngẫu nhiên; (2) Mang tính đại diện và (3) Không lựa chọn mẫu theo định hướng chủ quan của các bên liên quan.

2. Đối tượng được đánh giá

Khảo sát DDCI Đắk Nông năm 2023 sẽ tiến hành thu thập các ý kiến cảm nhận, đánh giá cho 27 đơn vị chia làm hai nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện.

Bảng 1. Đối tượng được đánh giá

Nhóm 1: Sở, ban, ngành

1	Sở KH&ĐT	8	Sở Tư pháp	14	Ban quản lý các KCN
2	Sở TN&MT	9	Sở GT&VT	15	Cục Thuế tỉnh
3	Sở Xây dựng	10	Sở Tài chính	16	Bảo hiểm xã hội tỉnh
4	Sở Công thương	11	Công an Tỉnh	17	Sở KH&CN
5	Sở LĐ, TB&XH	12	Văn phòng UBND tỉnh	18	Sở VH TT&DL
6	Sở NN&PTNT	13	Thanh tra tỉnh	19	Cục Quản lý thị trường
7	Sở TT&TT				

Nhóm 2: Cấp huyện

1	Thành phố Gia Nghĩa	4	Huyện Krông Nô	7	Huyện Tuy Đức
2	Huyện Đắk Glong	5	Huyện Đắk R'Lấp	8	Huyện Cư Jút
3	Huyện Đắk Song	6	Huyện Đắk Mil		

3. Các CSTP và tiêu chí đánh giá

Bộ chỉ số DDCI Đắk Nông bao gồm 8 CSTP là: (1) Tính minh bạch; (2) Tính năng động; (3) Chi phí thời gian; (4) CPKCT; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ DN, (7) Thiết chế pháp lý và (8) Vai trò người đứng đầu;

4. Phương pháp tính điểm

Tính điểm chỉ số thành phần: Tính điểm mỗi chỉ tiêu của từng chỉ số, từ đó tính ra điểm Chỉ số thành phần. Mỗi chỉ số thành phần có nhiều chỉ tiêu, các chỉ tiêu có các thông số khác nhau. Các thông số này lại có những đơn vị không giống nhau (có thể là %, số ngày, số lần hay không có đơn vị) nên cần phải quy chuẩn điểm số về một đơn vị đo lường chung (quy về điểm 10). Mỗi chỉ tiêu theo mức trả lời của DN tương ứng: Thực tiễn tốt nhất 10 điểm; thực tiễn xấu nhất: 1 điểm.

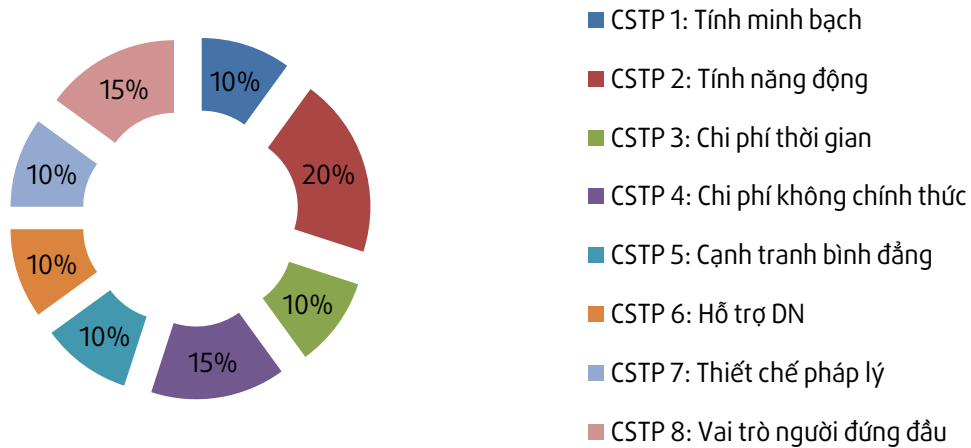
- Nếu chỉ tiêu thuận: Điểm = $9 * [(\text{điểm của đơn vị} - \text{điểm nhỏ nhất}) / (\text{điểm lớn nhất} - \text{điểm nhỏ nhất})] + 1$

- Nếu chỉ tiêu nghịch: Điểm = $11 - \{9 * [(\text{điểm của đơn vị} - \text{điểm nhỏ nhất}) / (\text{điểm lớn nhất} - \text{điểm nhỏ nhất})] + 1\}$

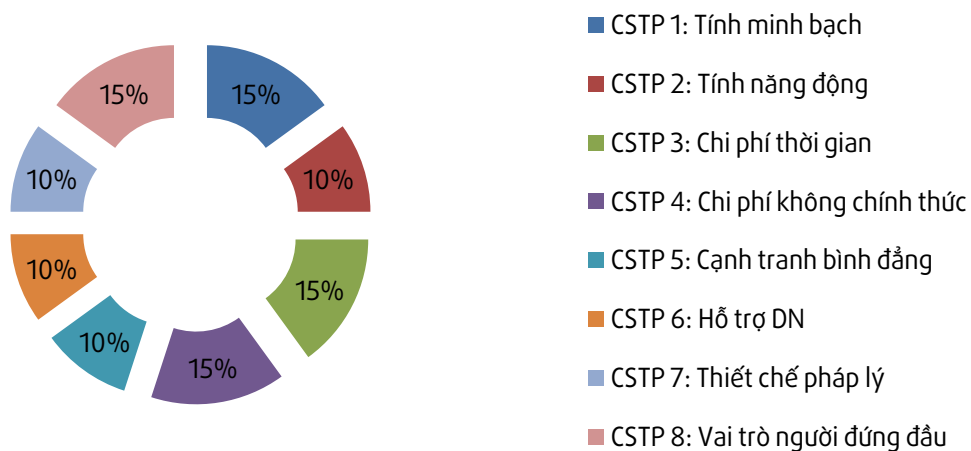
Sau khi tính được điểm của từng chỉ tiêu theo thang điểm 10, tùy vào mức độ quan trọng của từng chỉ tiêu sẽ có trọng số thích hợp để tính toán điểm CSTP. DDCI Đắk Nông

chỉ dùng kết quả khảo sát ý kiến DN để tính điểm, không sử dụng dữ liệu từ nguồn khác để tính điểm.

Hình 1. Trọng số đánh giá nhóm sở, ban, ngành



Hình 2. Trọng số đánh giá cấp huyện



V. Cách thức triển khai khảo sát

1. Mẫu khảo sát

Danh sách mẫu khảo sát được tổng hợp từ hai nguồn sau: (1) danh sách tổng hợp các DN, HTX, HKD đã làm thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố do các đơn vị này cung cấp; (2) danh sách DN, HTX, HKD đang hoạt động do Cục Thuế tỉnh cung cấp. Đối với các đơn vị có cung cấp danh sách DN thực hiện thủ tục

hành chính hoặc tương tác trong năm, mẫu sẽ được chọn tổng hợp từ các nguồn mẫu được cung cấp. Đối với các đơn vị có ít DN tương tác hoặc tỷ lệ phản hồi của DN có tương tác trong năm thấp, bên cạnh việc chọn hết các DN đã tương tác, làm việc trong năm có thể sẽ chọn thêm các DN có lĩnh vực hoạt động có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhằm gia tăng tính khách quan của mẫu.

Trên cơ sở danh sách từ các đơn vị, nhóm nghiên cứu tiến hành các bước sau để chọn lọc mẫu khảo sát.

- Bước 1: Tổng hợp, rà soát và xác minh lại danh sách mẫu từ đầu mối cung cấp. Đơn vị tư vấn sẽ loại bỏ các mẫu trùng lặp và làm sạch danh sách để tránh trùng mẫu.

- Bước 2: Dựa trên số lượng mẫu tổng thể được tổng hợp, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành xây dựng khung chọn mẫu bằng cách tính toán tỉ lệ và số lượng phân bổ mẫu dự kiến.

- Bước 3: Tiến hành chọn mẫu theo tỷ lệ đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như có ý nghĩa thống kê (tức là số DN, HTX, HKD đạt được mức tối thiểu đối với từng đơn vị) và phù hợp với tỷ lệ DN, HTX, HKD thực hiện TTHC hoặc đang hoạt động ở địa phương (đơn vị nào có nhiều DN, HTX, HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương thì lấy mẫu nhiều hơn đơn vị có ít DN, HTX, HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương).

Trong quá trình chọn mẫu này, nhóm nghiên cứu đồng thời xây dựng một số lượng mẫu dự phòng để thay thế trong trường hợp không thể liên lạc được DN, HTX, HKD hoặc DN, HTX, HKD không hợp tác trả lời phiếu khảo sát.

2. Cách thức khảo sát DDCI Đắk Nông 2023

Trong khảo sát DDCI Đắk Nông 2023, IPC tỉnh Đắk Nông là đơn vị chủ trì công tác khảo sát. Bưu điện tỉnh là đơn vị được IPC lựa chọn phối hợp để triển khai khảo sát trực tiếp. Trên cơ sở danh sách các DN, HTX, HKD theo mẫu đã được đơn vị tư vấn lựa chọn, Bưu điện tỉnh Đắk Nông liên hệ đến các DN, HKD, HTX để vận động, thuyết phục trả lời khảo sát DDCI Đắk Nông 2023. Bưu điện tỉnh đã bảo đảm số lượng, chất lượng phiếu khảo sát DDCI Đắk Nông 2023.

Bảng 2. Mẫu khảo sát DN

STT	Địa phương	Tổng số DN	Mẫu khảo sát	Tỷ lệ mẫu/ Tổng số DN
1	Thành phố Gia Nghĩa	1.110	1.103	99%
2	Huyện Đắk Glong	215	215	100%
3	Huyện Đắk Song	310	305	98%
4	Huyện Krông Nô	198	197	99%
5	Huyện Đắk R'Lấp	407	407	100%
6	Huyện Đắk Mil	403	391	97%
7	Huyện Tuy Đức	89	89	100%
8	Huyện Cư Jút	358	356	99%
		3.090	3.063	99%

Bảng 3. Mẫu khảo sát HTX, HKD

STT	Địa phương	Tổng số HTX	Mẫu khảo sát HTX	Tỷ lệ mẫu/ Tổng số HTX	Tổng số HKD	Mẫu khảo sát HKD	Tỷ lệ mẫu/ Tổng số HKD
1	Thành phố Gia Nghĩa	16	16	37%	1.485	24	2%
2	Huyện Đắk Glong	32	16	50%	670	23	3%
3	Huyện Đắk Song	44	16	36%	1.025	24	2%
4	Huyện Krông Nô	45	16	36%	91	24	26%
5	Huyện Đắk R'Lấp	48	16	33%	1.195	23	2%
6	Huyện Đắk Mil	23	16	70%	2.011	24	1%
7	Huyện Tuy Đức	21	16	76%	647	24	4%
8	Huyện Cư Jút	36	16	44%	261	24	9%
		292	128	44%	7.385	190	3%

Mẫu khảo sát DDCI Đắk Nông được chọn gồm 3.063 DN, 128 HTX, 190 HKD trên địa bàn tỉnh, chiếm tỷ lệ lần lượt là 99%, 44% và 3% số lượng DN, HTX, HKD được tổng hợp từ danh sách các đơn vị trên địa bàn tỉnh gửi về. Tổng số phiếu khảo sát thu được từ cuộc khảo sát là 1.004 phiếu, đạt 30% so với số lượng DN, HTX, HKD đã tiếp cận.

Trong ba đối tượng tham gia khảo sát HKD có tỷ lệ phản hồi tốt nhất với 36%, tiếp theo là nhóm DN với tỷ lệ 30%, HTX có tỷ lệ phản hồi thấp nhất với 25%. Có thể thấy DN, HKD, HTX của tỉnh đã dành nhiều sự quan tâm đến khảo sát DDCI, bên cạnh đó cũng cho thấy nỗ lực đơn vị triển khai khảo sát đã rất nỗ lực vận động DN, HKD, HTX tham gia khảo sát DDCI vừa đảm bảo chất lượng, tiến độ cho cuộc khảo sát.

Bảng 4. Tỷ lệ hồi đáp

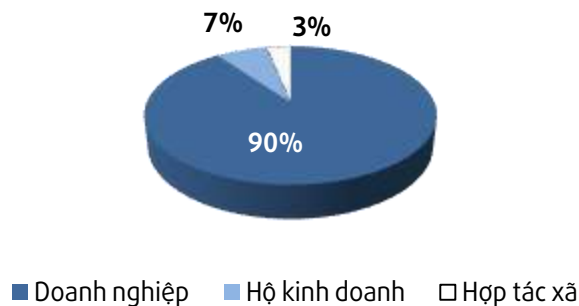
	DN	HTX	HKD
Số phiếu phát ra	3.063	128	190
Số phiếu thu về	904	32	68
Tỷ lệ hồi đáp (%)	30%	25%	36%

Cơ sở dữ liệu đánh giá DDCI Đắc Nông 2023 được xây dựng từ 4.927 ý kiến đánh giá các sở, ban, ngành và cấp huyện. Trong đó, có 3.923 ý kiến đánh giá các sở, ban, ngành và 1.004 ý kiến đánh giá cấp huyện, số lượng các ý kiến đánh giá đảm bảo nhận diện được điểm mạnh và điểm yếu trong hoạt động điều hành kinh tế, hỗ trợ DN của các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố thuộc tỉnh Đắc Nông.

3. Đặc điểm đối tượng tham gia khảo sát

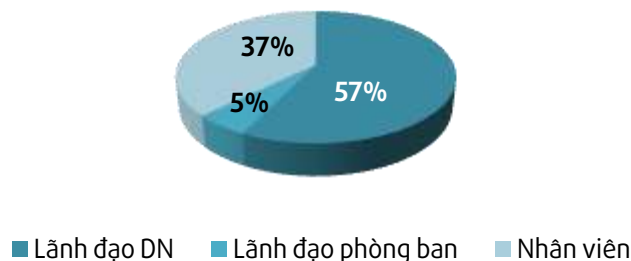
Trong số 1.050 DN, HTX, HKD tham gia trả lời khảo sát DDCI Đắc Nông 2023, theo đối tượng khảo sát DN là đối tượng chiếm tỷ trọng lớn nhất tham gia khảo sát với tỷ lệ là 90%, tiếp theo là HKD với 7% và HTX chiếm tỷ lệ thấp nhất với 3%.

Hình 3. Phân loại đối tượng khảo sát



Đối tượng trả lời khảo sát chủ yếu là lãnh đạo DN, lãnh đạo phòng ban với tỷ lệ khoảng 62%, trong đó lãnh đạo DN chiếm tỷ trọng cao nhất với 57%. Đây là những người có cái nhìn tổng quát về DN và thường tiếp xúc, làm việc với các sở, ban, ngành, huyện thị nên có đủ thông tin để đưa ra các nhận định, cảm nhận về các đơn vị. Số liệu này có thể đảm bảo được mức độ tin cậy của các câu trả lời trong phiếu khảo sát.

Hình 4. Chức vụ người trả lời khảo sát



Có đến 98% DN có số lượng lao động dưới 100 người, xét về số vốn đăng ký cũng có đến 98,5% DN có số vốn đăng ký dưới 100 tỷ. Dựa vào kết quả khảo sát về quy mô lao động và quy mô vốn, dễ dàng nhận thấy hầu như các DN tham gia khảo sát phần lớn

là DNNVV. Số liệu này tương đồng với tình hình thực tế của các DN của tỉnh với đại đa số là DNNVV.

Bảng 5. Số lao động đăng ký

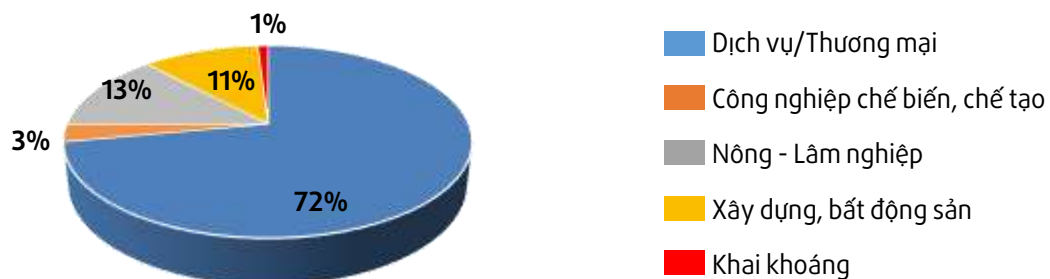
	Dưới 11 người	Từ 11 đến 100 người	Từ 101 đến dưới 200 người	Trên 200 người
DN	80%	18%	1%	1%
HKD, HTX	97%	2%	1%	

Bảng 6. Số vốn đăng ký

	Dưới 3 tỷ	Từ 3 tỷ đến dưới 20 tỷ	Từ 20 đến dưới 50 tỷ	Từ 50 đến dưới 100 tỷ	Từ 100 đến dưới 300 tỷ	Trên 300 tỷ
DN	68.1%	25.5%	3.4%	1.5%	0.3%	1.2%
HKD, HTX	97%	3%				

Về lĩnh vực kinh doanh chính của các DN tham gia khảo sát, dịch vụ/thương mại là lĩnh vực hoạt động của đa số DN tham gia khảo sát, với tỷ lệ 72%. Nông-Lâm nghiệp là lĩnh vực tiếp theo có tỷ trọng DN khảo sát cao với 13%. Lĩnh vực Xây dựng, bất động sản có tỷ trọng cao thứ 3 với khoảng 11%.

Hình 5. Lĩnh vực kinh doanh



Chương



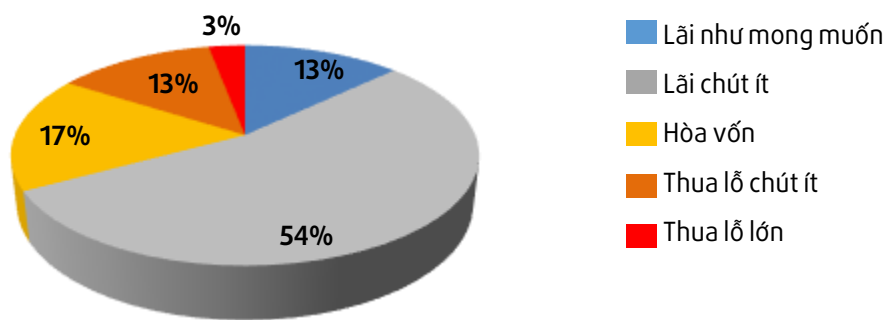
KẾT QUẢ KHẢO SÁT

CHƯƠNG II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

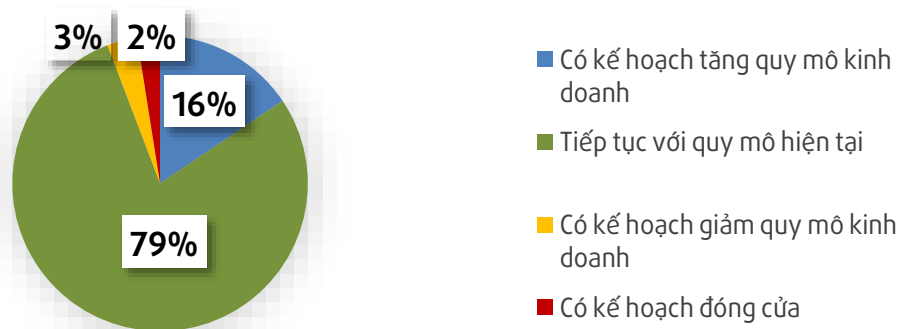
I. Tình hình và triển vọng kinh doanh.

Theo số liệu khảo sát DDCI Đắk Nông năm 2023 tỷ lệ DN cho biết kinh doanh có lãi tăng 4% so với năm 2022, trong đó chủ yếu vẫn là DN cho biết kết quả kinh doanh có lãi chút ít với 54%. Tỷ lệ DN báo lỗ giảm 2% so với năm trước, trong đó 13% DN cho biết kinh doanh thua lỗ chút ít và 3% DN được hỏi cho biết kinh doanh thua lỗ lớn trong năm 2023. Những con số trên cho thấy năm 2023 mặc dù hoạt động kinh doanh của DN đã có sự cải thiện hơn so với năm trước tuy nhiên còn nhiều DN gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và rất cần sự đồng hành, hỗ trợ từ các cấp chính quyền của tỉnh.

Hình 6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN



Hình 7. Triển vọng kinh doanh trong 2 năm tiếp theo



Với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng DN chưa có nhiều tích cực và xu hướng, triển vọng kinh doanh của DN tỉnh sẽ chủ yếu là duy trì quy mô kinh doanh như hiện tại. Có đến 79% DN được hỏi cho biết sẽ tiếp tục với quy mô kinh doanh hiện tại, DN vẫn đang có xu hướng hoạt động cầm chừng để chờ đợi các tín hiệu tích cực

từ tình hình kinh tế thế giới và trong nước cũng như nhận được sự đồng hành, hỗ trợ từ chính quyền. Ngoài ra, có 5% DN cho biết có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa trong 2 năm tới. Tỷ lệ DN trả lời khảo sát cho biết có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh là 16%.

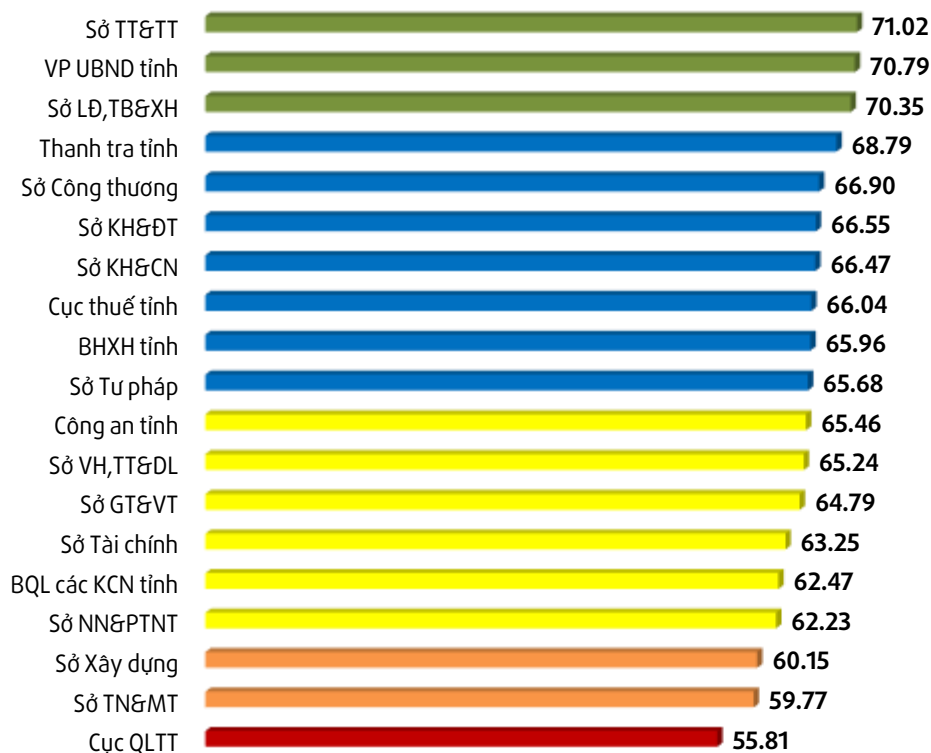
II. Kết quả khảo sát DDCI Đắc Nông 2023

1. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành

1.1. Kết quả tổng hợp DDCI cấp sở, ban, ngành theo các đơn vị

DDCI Đắc Nông 2023 nhóm sở, ban, ngành tiếp tục đánh giá 19 sở, ban, ngành, là các đơn vị liên quan nhiều đến hoạt động của doanh nghiệp. Điểm trung vị của nhóm sở, ban, ngành năm 2023 là 65,68 điểm, so với năm 2022, điểm trung vị nhóm sở, ban, ngành thấp hơn 0,85 điểm. Ba đơn vị có điểm tổng hợp DDCI cao trong nhóm sở, ban, ngành là Sở TT&TT, VP UBND và Sở LĐ,TB&XH tỉnh với điểm số lần lượt là 71,02 điểm, 70,79 điểm và 70,35 điểm.

Hình 8. Điểm tổng hợp DDCI nhóm sở, ban, ngành



Đơn vị có điểm số DDCI cao nhất trong nhóm sở, ban, ngành là Sở TT&TT với 71,02 điểm. So với năm 2022 điểm số DDCI của đơn vị tăng 4,44 điểm. Các CSTP của đơn vị được đánh giá khá tốt trong nhóm, trong đó các CSTP Chi phí thời gian, Hỗ trợ DN và Vai trò người đứng đầu là các CSTP được nhiều đánh giá tích cực từ DN. Về công tác thanh tra, kiểm tra của đơn vị, tỷ lệ DN đánh giá "*DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua*" có sự cải thiện khi đã giảm từ 5,1% xuống còn 3,4% kèm với đó tỷ lệ DN cảm nhận nội dung thanh tra, kiểm tra bị trùng lặp đã giảm 32,4% trong năm 2023 xuống còn 14,3%. Cảm nhận về CSTP Vai trò người đứng đầu của đơn vị, DN có những đánh giá tích cực về tinh thần dám quyết, dám làm của lãnh đạo Sở TT&TT, tỷ lệ DN cảm nhận "*Lãnh đạo sở, ban, ngành có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm*" của đơn vị là 86,9%, bên cạnh đó đơn vị cũng được DN đánh giá có những hành động cụ thể để giải quyết vấn đề của DN với 80,6% tăng 20,8% so với năm trước.

VP UBND tỉnh là đơn vị có điểm số DDCI cao thứ hai trong nhóm sở, ban, ngành với 70,79 điểm tăng 0,3 điểm so với năm trước. Các CSTP được nhiều sự đánh giá tích cực của đơn vị là Tính minh bạch, Cạnh tranh bình đẳng và Hỗ trợ DN. Trong CSTP Cạnh tranh bình đẳng, tỷ lệ DN cảm nhận không có sự ưu ái hơn về tiếp cận thông tin, giải quyết kiến nghị, có các cơ chế ưu đãi cho các DN lớn ở mức khá cao trong nhóm. Ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận đơn vị thường xuyên quan tâm đến các DNNVV là 28,1% xếp thứ 3/19 đơn vị trong nhóm. Trong CSTP Tính minh bạch, tỷ lệ DN cảm nhận "*Nội dung thông tin đầy đủ, rõ ràng*" là 72,4%, ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận "*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp*" là 53,4% đây là tỷ lệ cao trong nhóm sở, ban, ngành.

Với điểm số DDCI 70,35 điểm, Sở LĐ, TB&XH là đơn vị có điểm số DDCI cao thứ ba. Các CSTP Tính năng động và CPKCT được đánh giá khá cao trong nhóm sở, ban, ngành. Theo kết quả khảo sát, DN cảm nhận về đơn vị nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm đã có sự cải thiện khi tỷ lệ tiêu chí này tăng 4,4% lên mức 65,6%. Ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận "*Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ sở, ban, ngành khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên*" là 11,6%, tỷ lệ này thấp hơn so với các đơn vị khác trong nhóm. Cảm nhận về CSTP Chi phí không chính thức của đơn vị, DN ghi nhận xu hướng giảm CPKCT về mặt giá trị, tỷ lệ

DN cảm nhận "*CPKCT thúc được giảm bớt*" tăng 13,7% lên mức 45,1%, tỷ lệ khá cao trong nhóm sở, ban, ngành.

Các đơn vị có điểm số DDCI chưa cao ở nhóm sở, ban, ngành là Sở Xây dựng, Sở TN&MT và Cục QLTT với điểm số lần lượt là 60,15 điểm, 59,77 điểm và 55,81 điểm. Các CSTP cần dành nhiều sự quan tâm cải thiện của Sở Xây dựng là Chi phí thời gian, Cạnh tranh bình đẳng, Hỗ trợ DN, Vai trò người đứng đầu. Một số tiêu chí của đơn vị nhận được những đánh giá tích cực của DN như: khả năng tiếp cận tài liệu của đơn vị được đánh giá dễ dàng với trung vị 89,8%, bên cạnh đó tiêu chí "*Sở, ban, ngành cung cấp thông tin kịp thời*" cũng được đánh giá khá cao trong nhóm sở, ban, ngành với 89,6%.

Kết quả khảo sát DDCI của Sở TN&MT cho thấy các CSTP cần nhiều sự quan tâm cải thiện là Tính minh bạch, Hỗ trợ DN, Thiết chế pháp lý, CPKCT, Cạnh tranh bình đẳng. Các tiêu chí của sở có các đánh giá tích cực như tỷ lệ DN cảm nhận "*Lãnh đạo sở, ban, ngành chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN*" với tỉ lệ 34,8%, tỷ lệ khá thấp trong nhóm, ngoài ra tiêu chí "*Cấp thực thi chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của cấp trên*" cũng ở mức khá thấp trong nhóm với tỷ lệ 27,8%.

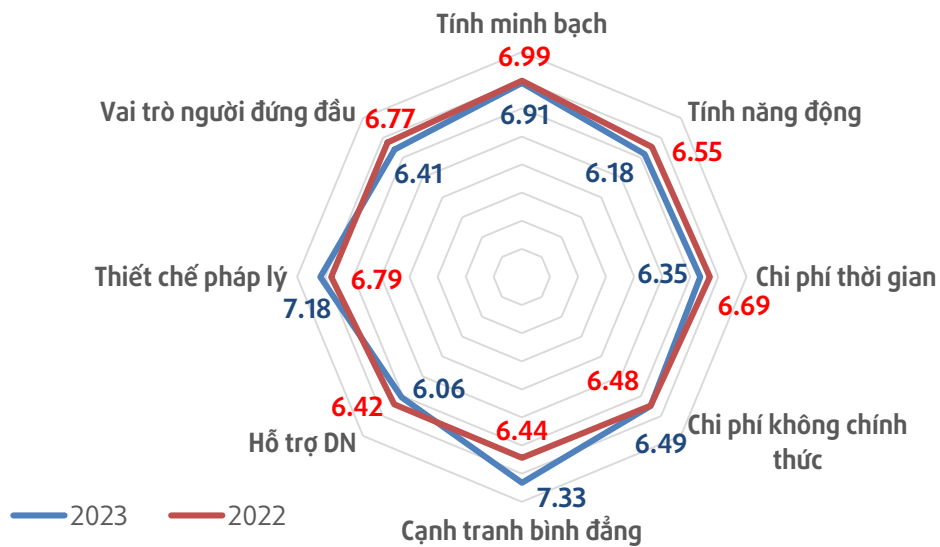
Cục QLTT có điểm số DDCI tổng hợp 55,81 điểm. Cục QLTT cũng như các sở, ban, ngành khác đều cần cải thiện tất cả các CSTP, trong đó các CSTP cần nhiều sự quan tâm của Cục QLTT là Chi phí thời gian, CPKCT, Cạnh tranh bình đẳng. Bên cạnh những điểm hạn chế, một số điểm mạnh của đơn vị như tiêu chí "*Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành*" là 73,8%, tỷ lệ này ở mức cao trong nhóm sở, ban, ngành; DN cảm nhận "*Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt*" của đơn vị có sự cải thiện đáng kể tăng từ 80,1% lên 90,3% trong năm 2023.

1.2. Kết quả DDCI cấp sở, ban, ngành theo các CSTP

DDCI 2023 nhóm sở, ban, ngành có 3 CSTP có trung vị cao hơn năm trước là CPKCT, Cạnh tranh bình đẳng và Thiết chế pháp lý, trong đó Cạnh tranh bình đẳng (7,33 điểm) và Thiết chế pháp lý (7,18 điểm) có điểm trung vị cao nhất trong các CSTP nhóm sở, ban, ngành. Năm CSTP có điểm trung vị thấp hơn năm 2022 bao gồm: Tính minh bạch, Tính

năng động, Chi phí thời gian, Hỗ trợ DN và Vai trò người đứng đầu. Các CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong nhóm sở, ban, ngành gồm Chi phí thời gian (6,35 điểm), Tính năng động (6,18 điểm) và Hỗ trợ DN (6,06 điểm).

Hình 9. Trung vị của các CSTP nhóm sở, ban, ngành



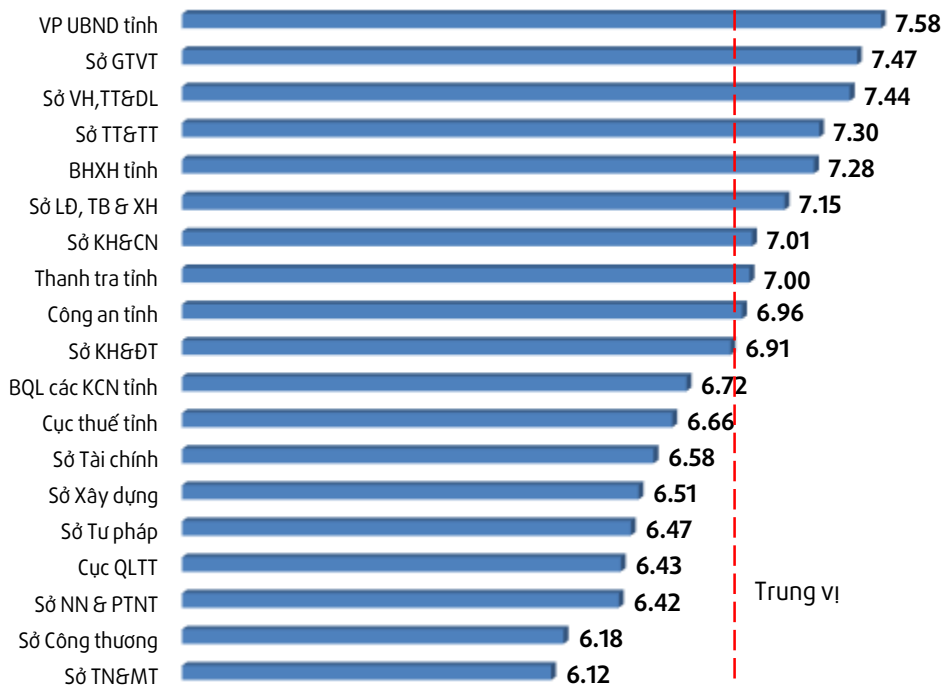
a. Tính minh bạch

CSTP Tính minh bạch nhóm sở, ban, ngành có điểm trung vị là 6,91 điểm, giảm 0,08 điểm so với năm 2022. Chỉ có 3/7 tiêu chí trong CSTP Tính minh bạch có trung vị cao điểm hơn so với năm 2022. VP UBND tỉnh (7,58 điểm), Sở GTVT (7,47 điểm) và Sở VH,TT&DL (7,44 điểm) là các đơn vị có điểm CSTP cao trong nhóm sở, ban, ngành.

Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cảm nhận khả năng tiếp cận tài liệu ở các đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành dễ dàng hơn so với năm trước khi trung vị tiêu chí này tăng từ 84,1% lên 85,7% trong năm 2023. Tuy nhiên, tỷ lệ DN cảm nhận "Cần có "mối quan hệ" để có thể tiếp cận được tài liệu của sở, ban, ngành" cũng có xu hướng tăng với trung vị tăng 1,3%. Cảm nhận của DN về công tác cung cấp thông tin của các sở, ban, ngành dành cho DN, tính kịp thời trong công tác cung cấp thông tin được cộng đồng DN đánh giá có xu hướng tăng với trung vị tăng từ 84,9% lên 87,3%; cảm nhận của DN về sự nhiệt tình của cán bộ trong quá trình cung cấp thông tin cho DN có xu hướng giảm, trung vị

giảm 3,5% so với năm 2023. Đánh giá về trang thông tin điện tử của các đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành, tỷ lệ DN cảm nhận thông tin trên các website là hữu ích không có sự thay đổi quá nhiều so với năm trước; bên cạnh đó tỷ lệ DN cho biết có truy cập vào website các đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành tăng 1,5% so với năm 2023.

Hình 10. CSTP Tính minh bạch nhóm sở, ban, ngành



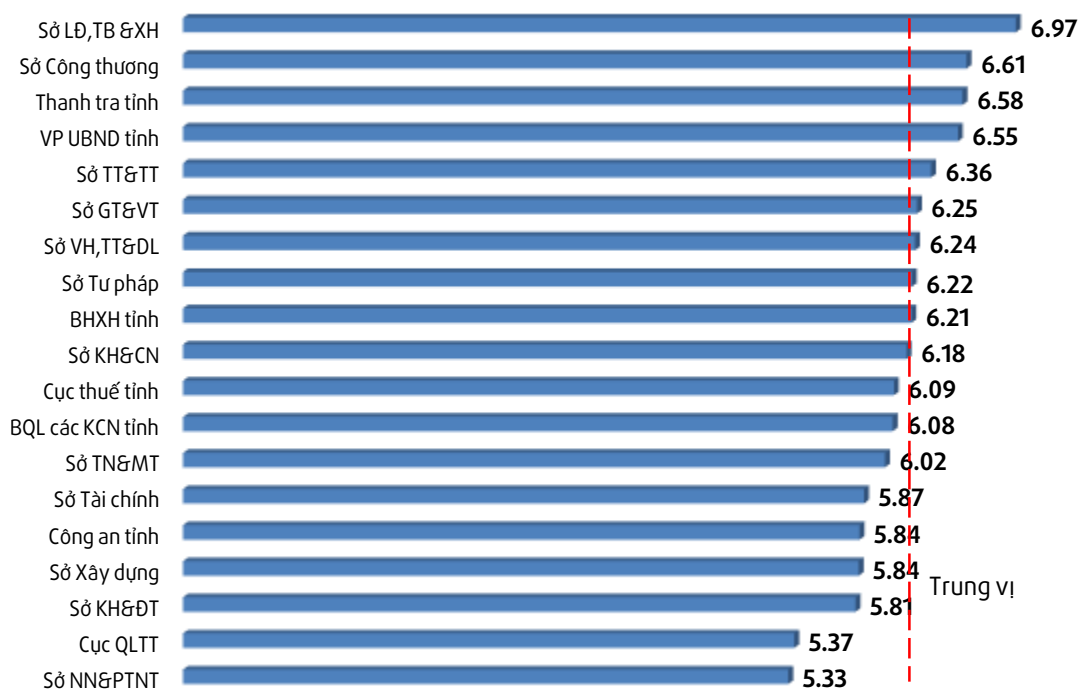
b. Tính năng động

Điểm trung vị CSTP Tính năng động năm 2023 của các sở, ban, ngành là 6,18 điểm, thấp hơn 0,37 điểm so với năm trước. Sở LĐ, TB&XH là đơn vị có điểm CSTP Tính năng động cao nhất trong nhóm với 6,97 điểm. Trong 19 đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành có 6 đơn vị có điểm trung vị CSTP Tính năng động tăng so với năm 2023, Sở TN&MT là đơn vị có sự cải thiện điểm trung vị CSTP Tính năng động tốt nhất trong nhóm sở, ban, ngành với mức tăng 0,44 điểm.

Cảm nhận của DN về các sở, ban, ngành vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật để tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của DN tại tỉnh có xu hướng tăng khi trung vị tăng 2,5% so với năm 2023; DN cũng đã có những cảm nhận tích cực hơn về sự chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh của nhóm sở, ban, ngành với trung vị tăng 2,2%; cảm nhận của DN về nhóm

sở, ban, ngành xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm có xu hướng cải thiện với trung vị tăng 0,2%. Bên cạnh những xu hướng tích cực thì cũng có những tiêu chí có trung vị giảm so với năm 2022, tiêu chí “*Sở, ban, ngành chủ động tham mưu cấp trên các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn*” có trung vị giảm 1,6% trong năm 2023; tỷ lệ DN cảm nhận “*Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ Sở, ban, ngành khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên*” đã tăng 1,3% so với năm trước.

Hình 11. CSTP Tính năng động nhóm sở, ban, ngành



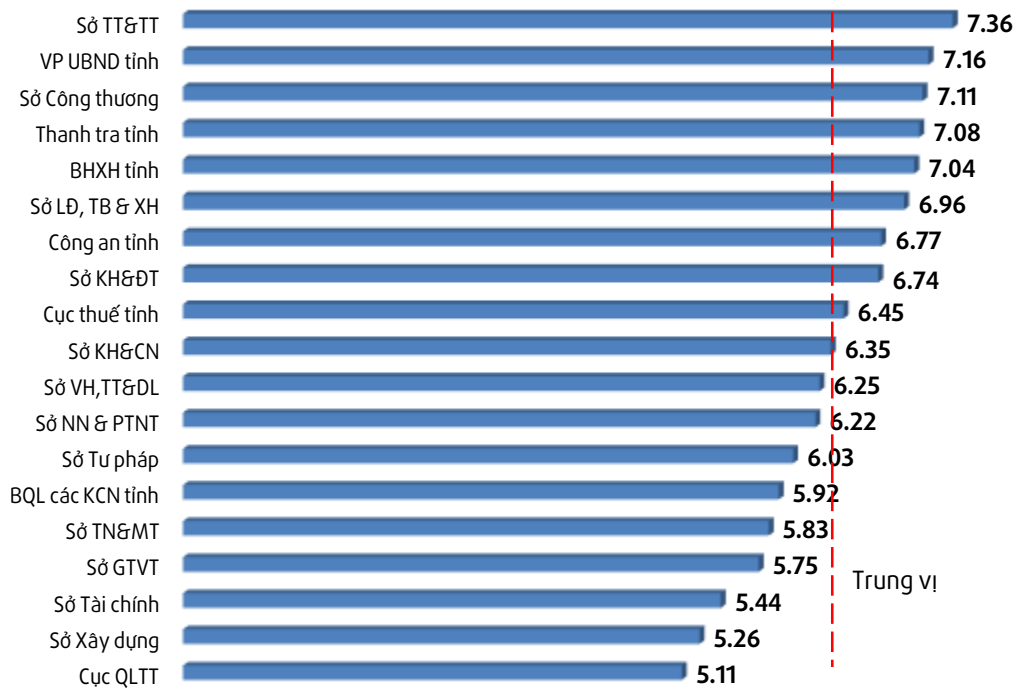
c. Chi phí thời gian

CSTP Chi phí thời gian năm 2023 có điểm trung vị là 6,35 điểm thấp hơn 0,34 điểm so với năm 2023. Có 4/8 tiêu chí trong CSTP Chi phí thời gian có trung vị giảm so với năm 2023. So với năm 2022 có 6 đơn vị tăng điểm trung vị trong năm 2022, trong đó ba đơn vị: Sở TT&TT (7,36 điểm), VP UBND tỉnh (7,16 điểm) và Sở Công thương (7,11 điểm) có điểm CSTP Chi phí thời gian cao trong nhóm sở, ban, ngành.

Theo kết quả khảo sát DDCI 2023 của tỉnh về CSTP Chi phí thời gian nhóm sở, ban, ngành, tỷ lệ DN bị thanh tra kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm có trung vị tăng 2,3%;

mặc dù tỷ lệ DN bị thanh tra từ 2 lần trở lên có xu hướng tăng nhưng tỷ lệ DN cảm nhận nội dung thanh tra, kiểm tra bị trùng lặp đã có trung vị giảm từ 44,4% xuống còn 17,4%; DN cũng cảm nhận tích cực hơn về việc thanh tra, kiểm tra đúng như quyết định thanh tra, kiểm tra đã ban hành với trung vị tăng 11,7%.

Hình 12. CSTP Chi phí thời gian nhóm sở, ban, ngành

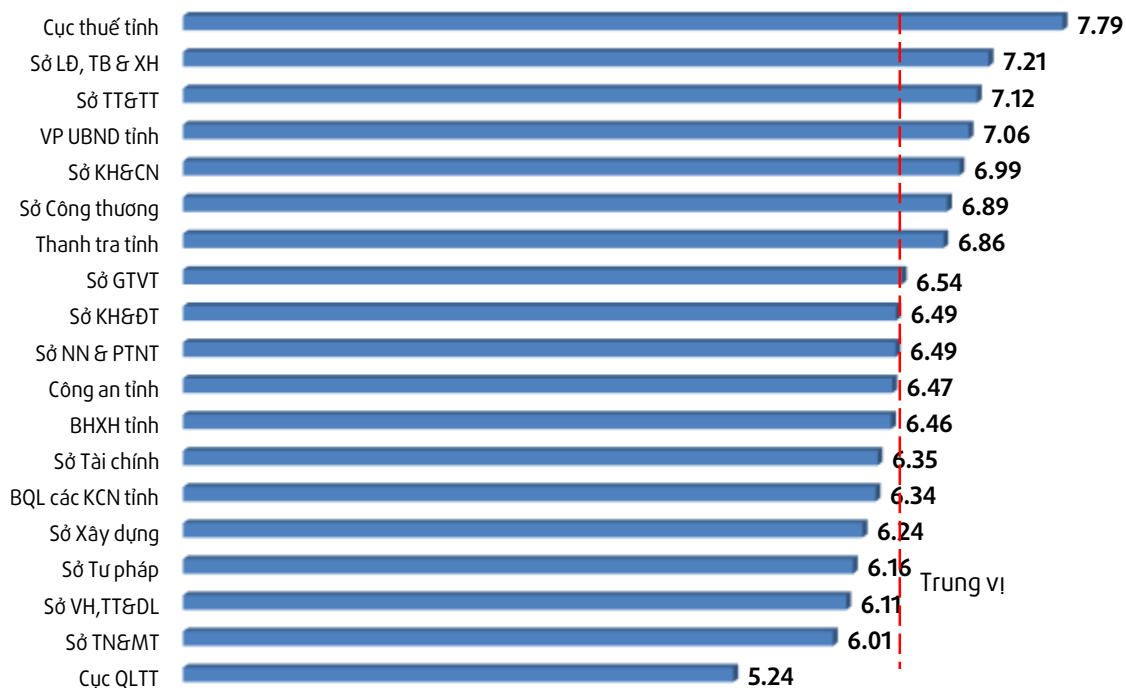


Trong các tiêu chí đánh giá về thời gian giải quyết công việc cho DN, tiêu chí "*Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt*" có xu hướng cải thiện với trung vị tăng 2,5%; DN cảm nhận tiêu chí "*Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ*" có trung vị tăng 0,3%. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cảm nhận "*Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn*" có trung vị tăng 4,4% trong năm 2023, điều này có thể là một phần nguyên nhân dẫn đến hai tiêu chí "*Sở, ban, ngành tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC*" và "*Tỷ lệ DN đi từ 1-2 lần để hoàn tất TTHC*" có trung vị lần lượt giảm 0,3% và 3,1% so với năm 2023.

d. Chi phí không chính thức

Điểm trung vị của CSTP CPKCT năm 2023 là 6,49 điểm, tăng 0,01 điểm so với năm 2022. Có 10/19 đơn vị có điểm CSTP CPKCT tăng trong năm 2023. Cục thuế là đơn vị có điểm số CSTP CPKCT được đánh giá cao nhất trong nhóm sở, ban, ngành với 7,79 điểm.

Hình 13. CSTP Chi phí không chính thức nhóm sở, ban, ngành

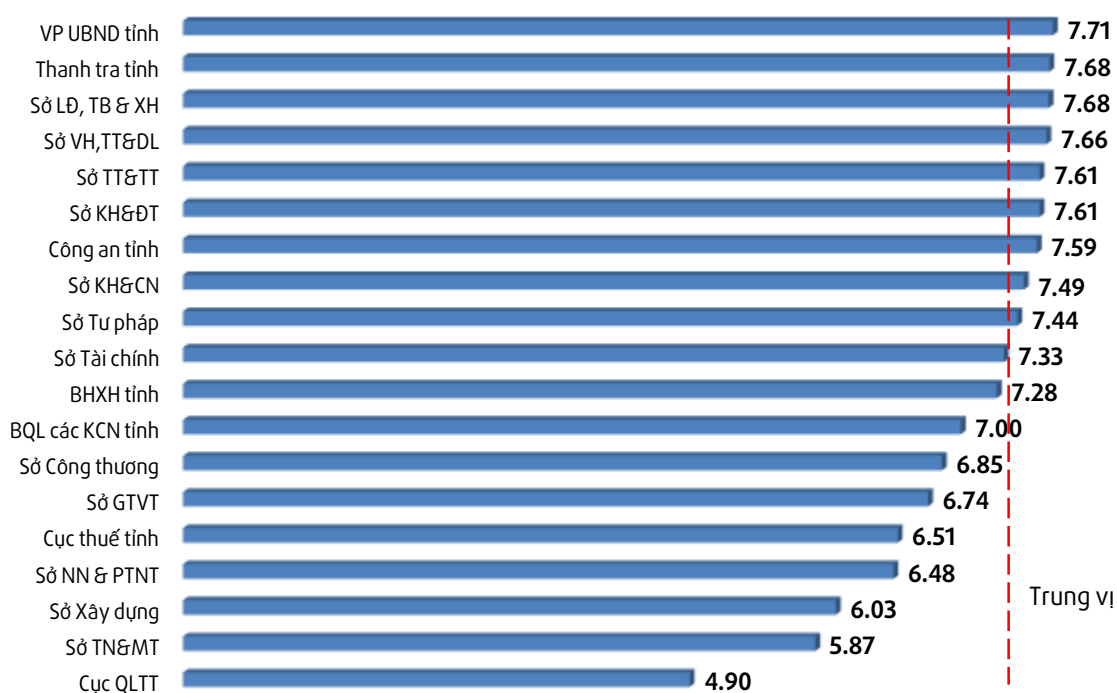


Hai tiêu chí "*Tỷ lệ % DN có trả chi phí không chính thức*" và "*Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành*" có trung vị ở mức không quá cao lần lượt là 7,5% và 9,8%, tuy nhiên trung vị hai tiêu chí này đều tăng, cụ thể trung vị "*Tỷ lệ % DN có trả chi phí không chính thức*" tăng 1,9% và trung vị "*Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành*" tăng 3%. Kết quả khảo sát ghi nhận DN cảm nhận ở nhóm sở, ban, ngành "*Chi phí không chính thức được giảm bớt*" có trung vị tăng 17,2% lên mức 33,7% trong năm 2023. Mặc dù vậy với tỷ lệ DN cảm nhận "*Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được*" có xu hướng giảm khi trung vị giảm 0,8% trong năm 2023.

e. Cạnh tranh bình đẳng

Điểm trung vị của CSTP Cạnh tranh bình đẳng năm 2023 tăng 0,89 điểm, đạt 7,33 điểm, đây cũng là CSTP có điểm trung vị cao nhất trong 8 CSTP. Có 16/19 đơn vị tăng điểm ở CSTP Cạnh tranh bình đẳng với mức tăng từ 0,04 đến 1,49 điểm. Thanh tra tỉnh là đơn vị có sự cải thiện điểm số Cạnh tranh bình đẳng tốt trong nhóm sở, ban, ngành với mức tăng 1,49 điểm.

Hình 14. CSTP Cạnh tranh bình đẳng nhóm sở, ban, ngành



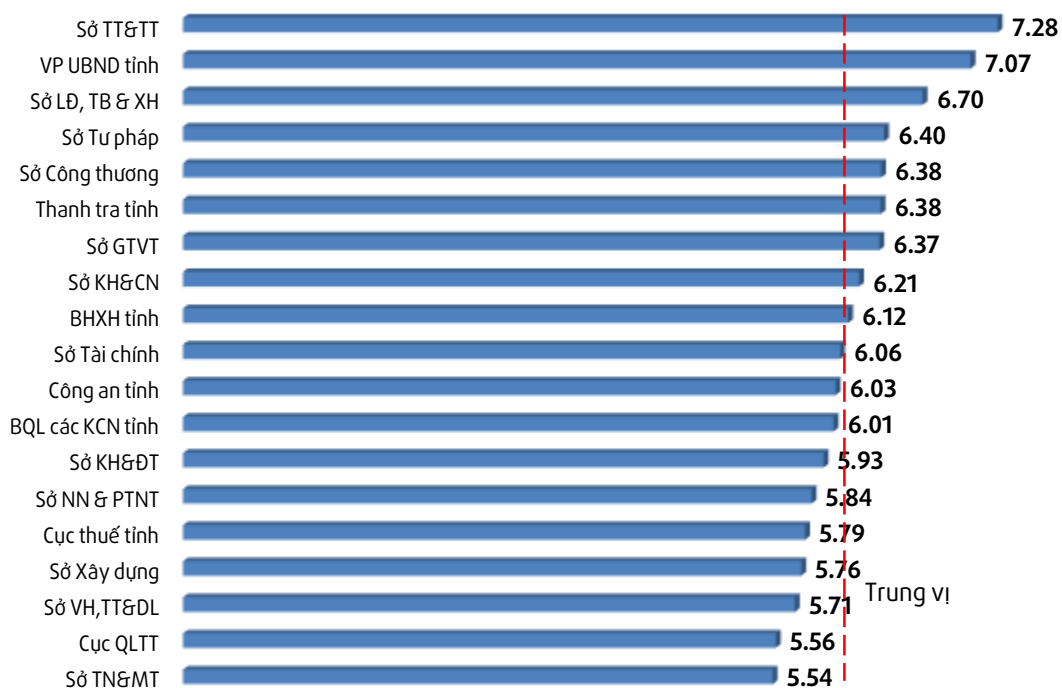
Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cảm nhận các DN các đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành có DN sân sau, DN thân hữu có trung vị tiếp tục giảm 1,8% so với năm 2022. Mặc dù tỷ lệ DN cảm nhận nhóm sở, ban, ngành có DN sân sau, DN thân hữu đã giảm, tuy nhiên tỷ lệ DN cảm nhận "Việc ưu ái cho các DN lớn, DN sân sau, DN thân hữu có gây khó khăn cho DN" có trung vị tăng 6,9% lên mức 25%. Trong các tiêu chí đánh giá về cảm nhận DN lớn, DN thân hữu, DN sân sau được ưu ái về những vấn đề gì, tiêu chí "DN sân sau, DN thân hữu được ưu ái hơn trong tiếp cận nguồn lực nhà nước" có trung vị tăng 4,7%, tiêu chí "DN lớn được ưu ái hơn DNNVV trong việc tiếp cận thông tin" tăng 0,8%, tiêu chí "DN lớn được ưu tiên hơn DNNVV trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn

và TTHC" không có sự thay đổi và tiêu chí "DN lớn được nhiều cơ chế ưu đãi hơn so với DNVV" ghi nhận sự cải thiện khi trung vị giảm 3,1%. Một điểm cần lưu tâm ở CSTP Cảnh tranh bình đẳng là tiêu chí "Sở, ban, ngành thường xuyên quan tâm đến các DNVV" có trung vị giảm 2% và ở tiêu chí này có 16/19 đơn vị có xu hướng giảm.

f. Hỗ trợ doanh nghiệp

Điểm CSTP Hỗ trợ DN có trung vị 6,06 điểm giảm 0,36 điểm so với năm trước. Trong 19 đơn vị được đánh giá chỉ có 6 đơn vị có điểm CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp tăng trong năm 2023. Sở TT&TT và VP UBND tỉnh là hai đơn vị dẫn đầu về chỉ số Hỗ trợ DN năm 2023 với lần lượt 7,28 điểm và 7,07 điểm.

Hình 15. CSTP Hỗ trợ DN nhóm sở, ban, ngành



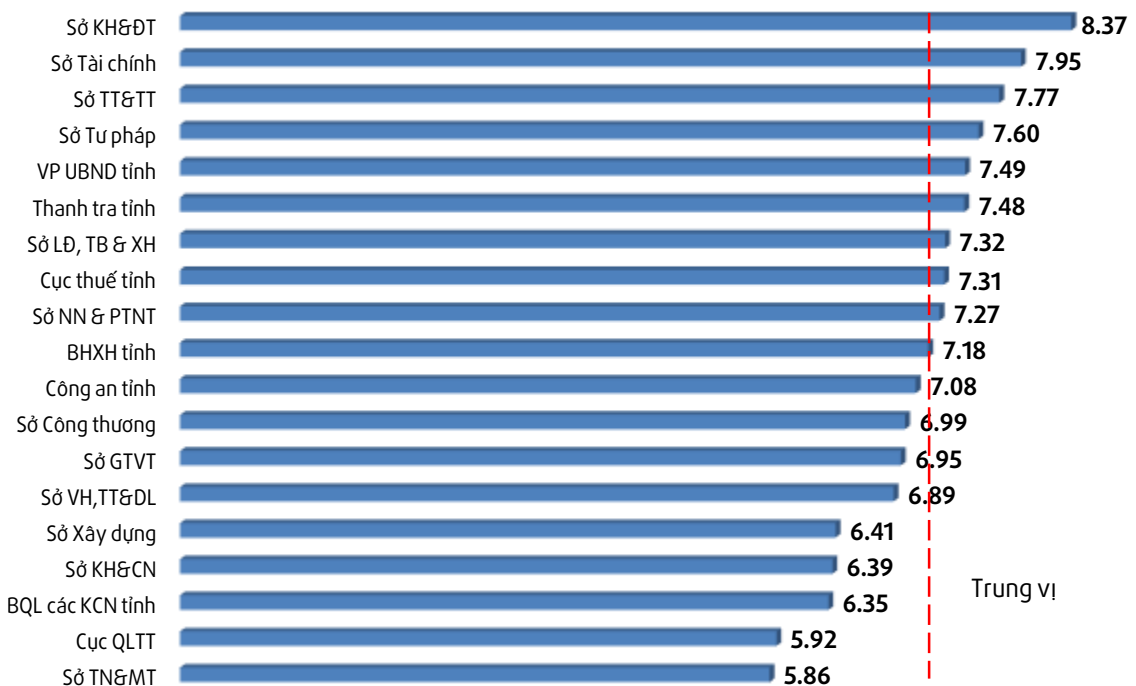
Cảm nhận của DN về các chương trình hỗ trợ DN do các đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành tổ chức, tỷ lệ DN được hỏi cho biết được thông báo/ mời tham gia tham gia các chương trình hỗ trợ DN có trung vị tăng 1,4% cho thấy công tác thông tin truyền thông cho các chương trình của nhóm sở, ban, ngành đã có nhiều cải thiện, tuy nhiên chất lượng các chương trình chưa có xu hướng cải thiện, trung vị DN cảm nhận các chương trình hỗ trợ DN là thiết thực là 80,5% giảm 2,8% so với năm 2022.

Đối với các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN, trung vị DN được hỏi cho biết được mời/ thông báo tham gia các chương trình giảm 3,5% trong năm 2023, cảm nhận của DN về vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin có xu hướng cải thiện khi trung vị tăng 0,4% từ mức 90,5% lên 90,9%.

g. Thiết chế pháp lý

Điểm trung vị CSTP Thiết chế pháp lý năm 2023 tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng điểm, điểm trung vị đã tăng 0,39 điểm so với năm 2022 ở mức 7,18 điểm. Có 15/19 đơn vị có điểm số CSTP Thiết chế pháp lý tăng điểm. Hai đơn vị có điểm số CSTP Thiết chế pháp lý cao trong nhóm sở, ban, ngành là Sở KH&ĐT (8,37 điểm) và Sở Tài chính (7,95 điểm).

Hình 16. CSTP Thiết chế pháp lý nhóm sở, ban, ngành



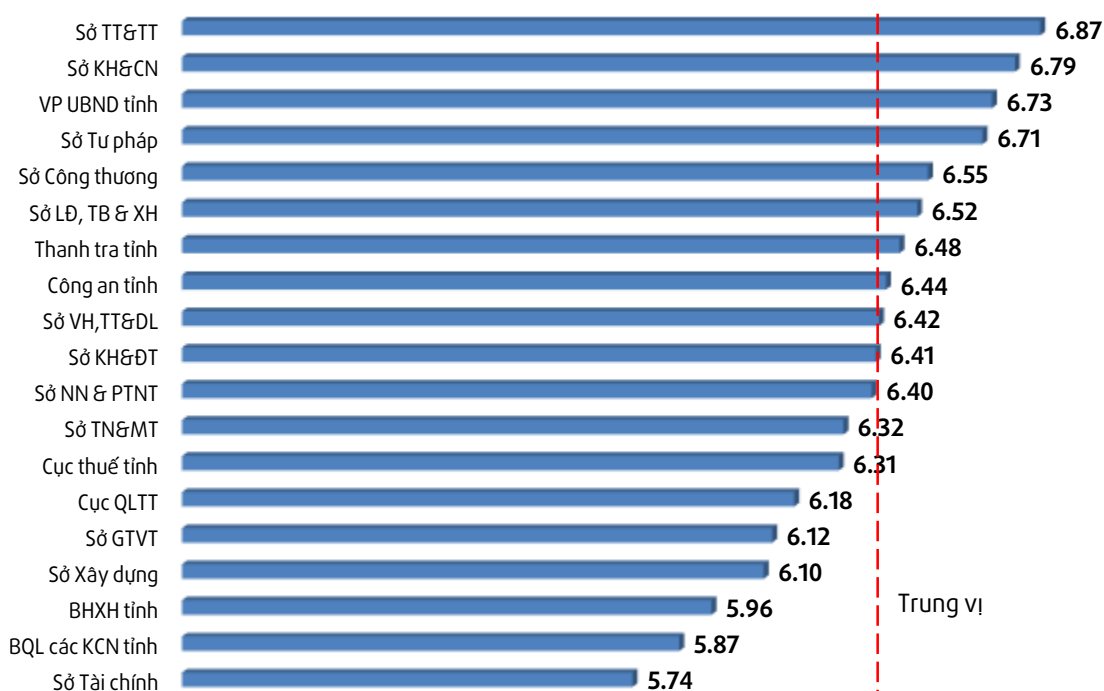
Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cảm nhận "*Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng*" có trung vị tăng 0,2% so với năm trước. Bên cạnh đó DN cũng cảm nhận có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tỷ lệ DN cảm nhận "*Luôn có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại*" tăng từ 67,8% lên 71,4% trong năm

2023. Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định của nhóm sở, ban, ngành là 87,5%, giảm 0,7% so với năm trước. Tỷ lệ DN cảm nhận “*DN phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề*” chưa được cải thiện khi có trung vị tăng 0,8% lên 12,7% trong năm 2023.

d. Vai trò người đứng đầu

Điểm trung vị của CSTP Vai trò người đứng đầu năm 2023 là 6,41 điểm giảm 0,36 điểm so với năm 2022. Trong 19 đơn vị trong nhóm sở, ban, ngành chỉ có 3 đơn vị tăng điểm CSTP Vai trò người đứng đầu là Sở TT&TT, Sở KH&CN và Sở Công thương trong đó Sở TT&TT và Sở KH&CN có điểm CSTP Vai trò người đứng đầu cao trong nhóm với lần lượt là 6,87 điểm và 6,79 điểm.

Hình 17. CSTP Vai trò người đứng đầu nhóm sở, ban, ngành



Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cảm nhận lãnh đạo sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN có xu hướng tăng, tiêu chí “*Lãnh đạo sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN*” có trung vị tăng 2,6% lên mức 90%. Ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận “*Lãnh đạo sở, ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN*” có trung vị tăng 2,9% lên mức 79,3%. Bên cạnh những tiêu

chí có xu hướng tích cực, thì cũng có một số tiêu chí chưa được cải thiện, tiêu chí “*Lãnh đạo sở, ban, ngành có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại địa phương*” có trung vị 84,8% giảm 1,3%; hiện tượng cấp thực thi chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành của cấp trên có trung vị là 28,6% tăng 10,9% so với năm 2023.

2. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện

2.1. Kết quả tổng hợp DDCI cấp huyện theo các đơn vị

Kết quả DDCI Đắc Nông 2023 nhóm cấp huyện ghi nhận điểm trung vị là 63,07 điểm, điểm trung vị DDCI Đắc Nông 2023 nhóm cấp huyện thấp hơn 1,3 điểm so với năm trước. Các đơn vị nhận được nhiều sự đánh giá tích cực từ cộng đồng DN trong nhóm cấp huyện là huyện Đắc R’lấp, huyện Cư Jút và huyện Đắc Mil với số điểm lần lượt là 71,44 điểm, 69,61 điểm và 68,88 điểm.

Hình 18. Điểm tổng hợp DDCI cấp huyện



Huyện Đắc R’lấp có điểm số DDCI tổng hợp là 71,44 điểm, một số CSTP được đánh giá khá cao của huyện là Tính năng động, Thiết chế pháp lý và Vai trò người đứng đầu. Trong CSTP Tính năng động của huyện, tỷ lệ DN cảm nhận “*Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật*” để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho DN là 93% tăng 1,2%; tỷ lệ DN được hỏi cảm nhận “*Cấp huyện kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình*” tăng 12,2% lên mức 72,9% trong năm 2023. Cảm nhận của DN về CSTP Vai trò người đứng đầu của huyện, có 92,3% DN được hỏi cảm nhận “*Lãnh đạo cấp huyện*

có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại địa phương' tăng 0,5% so với năm trước, ngoài ra hiện tượng cấp thực thi chưa thực hiện tốt chỉ đạo của cấp trên có xu hướng cải thiện, trung vị ở tiêu chí này đã giảm 3,4% trong năm 2023.

Huyện có điểm số DDCI cao thứ hai trong nhóm cấp huyện là huyện Cư Jút với điểm số DDCI 69,61 điểm tăng 0,61 điểm so với năm 2022. Có 4/8 CSTP của huyện có điểm số cao hơn năm 2022. Các CSTP được nhiều đánh giá tích cực từ cộng đồng DN ở huyện là Hỗ trợ DN, Tính minh bạch. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cho biết được mời/ thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN của huyện là khá tốt trong nhóm với 85,6% tăng 8,1% so với năm 2022; tỷ lệ được mời/ thông báo tham gia các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN của huyện cũng tăng 10,6% so với năm 2022 đạt tỷ lệ 81,3%. Tỷ lệ DN cảm nhận "*Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin*" ở mức khá cao trong nhóm cấp huyện với 87,4%, tăng 1,2% so với năm trước. CSTP Tính minh bạch cũng là điểm mạnh của huyện, tỷ lệ DN cảm nhận "*Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin dễ dàng*" của huyện ở mức khá cao trong nhóm với 94,7% tăng 1,8% so với năm 2022; ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận "*Thông tin trên Website của cấp huyện là hữu ích*" cũng ở mức cao trong nhóm với 87,5% tăng 4,2% so với năm 2022.

Với 68,88 điểm, huyện Đắk Mil là huyện có điểm CSTP cao thứ ba trong nhóm cấp huyện, điểm số DDCI 2023 của huyện tăng 4,49 điểm so với năm trước. Có 6/8 CSTP của huyện tăng điểm trong năm 2023, trong đó các CSTP CPKCT, Thiết chế pháp lý là những CSTP được đánh giá cao trong nhóm cấp huyện. Tại CSTP CPKCT, hiện tượng những nhiều khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại huyện có xu hướng cải thiện khi giảm 3,5% trong năm 2023, bên cạnh đó giá trị các khoản CPKCT theo cảm nhận của DN có xu hướng giảm, tỷ lệ DN cảm nhận CPKCT được giảm bớt tăng 13,4% so với năm trước. Trong CSTP Thiết chế pháp lý, tiêu chí "*Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định*" được đánh giá khá cao trong nhóm cấp huyện với tỷ lệ 86,6%, tăng 2,3% so với năm trước. Bên cạnh đó, công tác giải quyết kiến nghị, khiếu nại của DN cũng nhận được những sự phản hồi tích cực, tiêu chí "*Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết*" có tỷ lệ khá cao trong nhóm với 82%.

Ba đơn vị chưa được đánh giá cao trong nhóm là huyện Krông Nô, thành phố Gia Nghĩa, và huyện Đắk Glong. Các CSTP cần nhiều cải thiện của huyện Krông Nô là Tính năng động, Cạnh tranh bình đẳng, Hỗ trợ DN. Bên cạnh những điểm hạn chế, huyện cũng có những điểm mạnh so với các đơn vị khác ở cấp huyện như tiêu chí "*Nội dung thông tin đầy đủ, rõ ràng*" có tỷ lệ khá cao trong nhóm với 76,9%, bên cạnh đó tỷ lệ DN cảm nhận "*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN*" khá cao so với các đơn vị khác với tỷ lệ 52,3%.

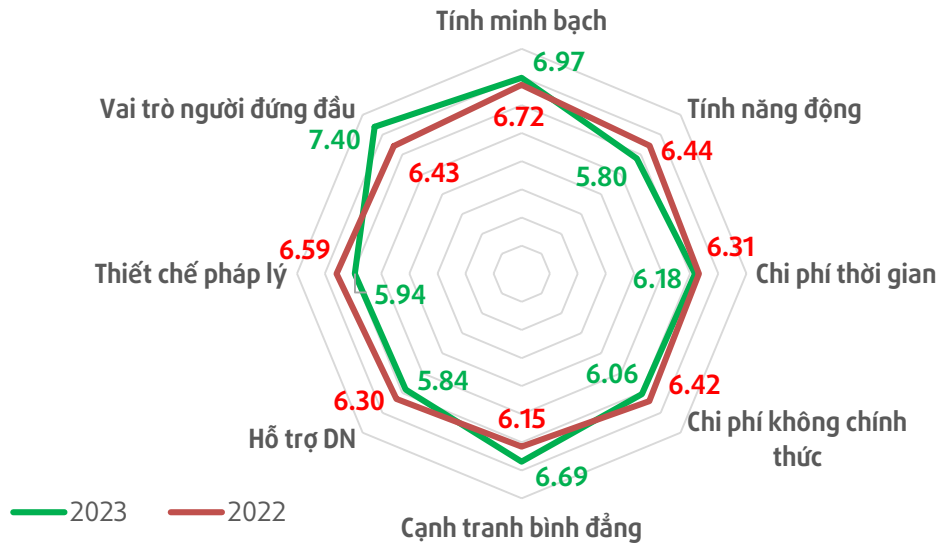
Kết quả khảo sát DDCI của thành phố Gia Nghĩa cho thấy các CSTP cần nhiều cải thiện của thành phố Gia Nghĩa là Tính minh bạch, Cạnh tranh bình đẳng, Thiết chế pháp lý. Một số điểm được DN đánh giá tích cực của huyện là tiêu chí "*Nội dung thanh tra, kiểm tra đúng như trong phạm vi Quyết định thanh, kiểm tra*" là 70,9% tăng 10,9% so với năm 2022 và có tỷ lệ khá cao trong nhóm. Bên cạnh đó tỷ lệ DN cảm nhận "*Cấp huyện tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC*" là 92,6% khá cao so với các đơn vị khác trong nhóm cấp huyện.

Huyện Đắk Glong có điểm số DDCI thấp trong nhóm cấp huyện với 54,62 điểm. Nhìn chung các CSTP đều cần có sự quan tâm cải thiện trong đó các CSTP cần nhiều cải thiện của huyện Đắk Glong như Tính minh bạch, Thiết chế pháp lý, Vai trò người đứng đầu. Theo kết quả khảo sát, một số điểm tích cực của huyện như tỷ lệ DN cho bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm của huyện là thấp trong nhóm với tỷ lệ 5,6%. Ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận "*Nội dung thanh, kiểm tra trùng lặp*" cũng có tỷ lệ thấp trong nhóm với 6,8%.

2.2. Kết quả DDCI cấp huyện theo các CSTP

Có 3 trong số 8 CSTP trong nhóm cấp huyện tăng điểm trung vị trong năm 2023 là Tính minh bạch (6,97 điểm), Cạnh tranh bình đẳng (6,69 điểm) và Vai trò người đứng đầu (7,40 điểm) và đây cũng là 3 CSTP có điểm trung vị cao nhất trong nhóm cấp huyện. Điểm trung vị các CSTP nhóm cấp huyện nằm trong khoảng từ 5,8 điểm – 7,4 điểm. CSTP Tính năng động là chỉ số có điểm trung vị thấp nhất trong 8 CSTP với 5,8 điểm.

Hình 19. Trung vị của các CSTP cấp huyện



a. Tính minh bạch

Điểm trung vị CSTP Tính minh bạch là 6,97 điểm cao thứ hai trong các CSTP cấp huyện, tăng 0,25 điểm so với năm 2022. CSTP Tính minh bạch ghi nhận xu hướng tăng điểm của 5/8 đơn vị được đánh giá trong nhóm cấp huyện, trong đó huyện Krông Nô có điểm CSTP Tính minh bạch cao trong nhóm cấp huyện với 7,54 điểm.

Hình 20. CSTP Tính minh bạch cấp huyện



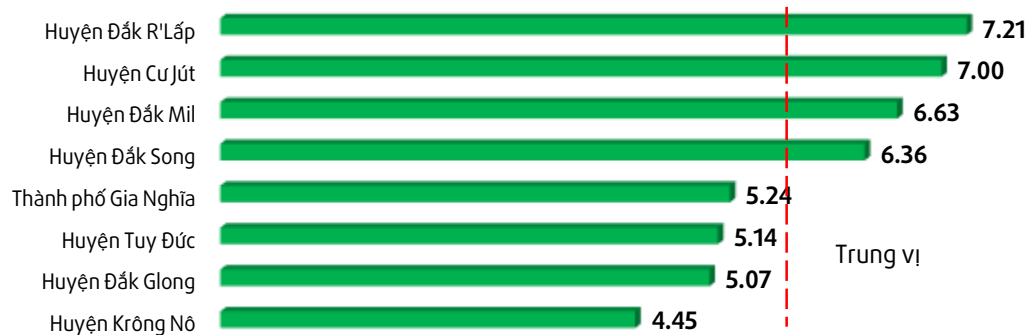
Cảm nhận về khả năng tiếp cận tài liệu ở cấp huyện, tỷ lệ DN cảm nhận “*Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin dễ dàng*” có trung vị 87,9% tăng 4,6% so với năm 2022, ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận “*Cần có “mối quan hệ” để có thể tiếp cận được tài liệu*” có xu hướng giảm khi trung vị là 11,8% giảm 0,8%. Các tiêu chí đánh giá về khả năng cung cấp thông

tin của cấp huyện đến DN như “*Cấp huyện cung cấp thông tin kịp thời*” và “*Nội dung thông tin đầy đủ rõ ràng*” đều có trung vị tăng trong năm 2023. Điểm cần lưu ý ở nhóm cấp huyện là tinh thần của cán bộ khi cung cấp thông tin cho DN, tiêu chí “*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp*” có trung vị giảm 6,7% còn 46,1% trong năm 2023. Cảm nhận của DN về tính hữu ích của website các đơn vị cấp huyện chưa có nhiều thay đổi tích cực, mặc dù trung vị tiêu chí “*DN có truy cập vào website của các Cấp huyện*” có trung vị tăng 0,5%, tuy nhiên cảm nhận của DN về tính hữu ích của thông tin trên website cấp huyện có trung vị thấp hơn 1,4% so với năm trước.

b. Tính năng động

CSTP Tính năng động có điểm trung vị là 5,8 điểm giảm 0,64 điểm so với năm trước, đây là CSTP có điểm trung vị thấp nhất trong 8 CSTP nhóm cấp huyện. Có 2 huyện tăng điểm CSTP Tính năng động trong năm 2023 là huyện Đắk Song và Đắk R’Lấp trong đó Đắk R’Lấp là địa phương có điểm CSTP Tính năng động cao trong nhóm cấp huyện.

Hình 21. CSTP Tính năng động cấp huyện



Trong CSTP Tính năng động, tiêu chí “*Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi*” có trung vị là 87,7% tăng 5,8% so với năm 2022. Bên cạnh đó DN cũng cảm nhận khá tích cực về tiêu chí “*Cấp huyện kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm*” với trung vị 71,3%, tăng 3,1% so với năm trước.

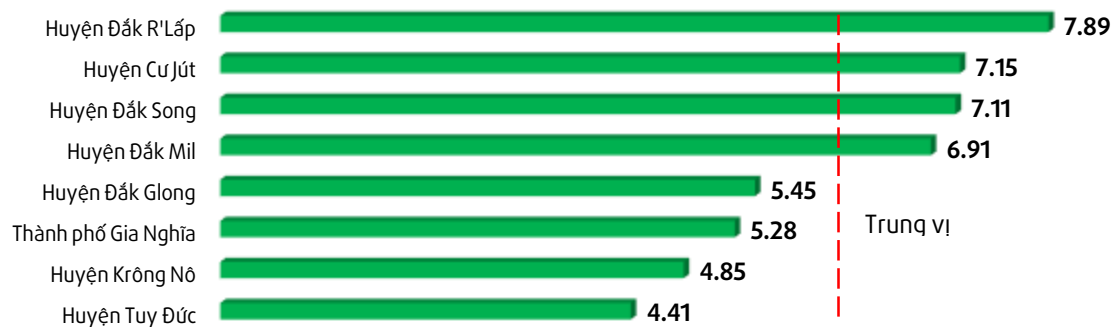
Theo đánh giá của DN hiện tượng trì hoãn, chậm trễ thực hiện các quyết định của cấp trên ở cấp huyện chưa có nhiều sự cải thiện, tiêu chí “*Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ Cấp huyện khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên*” có trung vị 16%

tăng 3,5% so với năm trước. Bên cạnh đó DN cũng chưa có đánh giá cao cấp huyện trong giải quyết vấn đề mới phát sinh, tiêu chí "*Cấp huyện chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh*" có trung vị là 46,1% thấp hơn 7,6% so với năm 2022. Ngoài ra, DN cảm nhận cấp huyện chủ động tham mưu cấp trên đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn chưa có sự thay đổi tích cực, tiêu chí này có trung vị là 63,9% giảm 8,1% so với năm 2022.

c. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian là CSTP có điểm trung vị 6,18 điểm, giảm 0,13 điểm so với năm 2022. Có 5/8 huyện, TP giảm điểm CSTP Chi phí thời gian trong năm 2023. Huyện Đắk R'Lấp và huyện Cư Jút là hai địa phương có điểm CSTP Chi phí thời gian cao trong nhóm với điểm số lần lượt là 7,89 điểm và 7,15 điểm.

Hình 22. CSTP Chi phí thời gian cấp huyện



Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cho biết bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm có trung vị tăng 1,4% lên mức 7,9% trong năm 2023. Mặc dù tỷ lệ thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên tăng tuy nhiên các đơn vị trong nhóm cấp huyện đã cải thiện khá tốt tiêu chí "*Nội dung thanh tra, kiểm tra trùng lặp*", trung vị tiêu chí này đã giảm 28,2% còn 17% trong năm 2023, bên cạnh đó tỷ lệ DN cảm nhận "*Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành*" có trung vị 67,7% tăng 4,4% trong năm 2023.

Cảm nhận về thời gian thực hiện các TTHC và công việc có liên quan, tỷ lệ DN cho biết DN đi từ 1-2 lần để hoàn tất TTHC có trung vị tăng 3,4% lên 86,1%, công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của các đơn vị trong nhóm cấp huyện cũng nhận được

những đánh giá tích cực, có trung vị 88,1% DN cảm nhận “*Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt*” tăng 6% so với năm 2022. Bên cạnh những tiêu chí có xu hướng cải thiện, thì hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn là điểm mà các đơn vị ở cấp huyện cần quan tâm cải thiện, trung vị tiêu chí “*Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn*” là 21,8% tăng 8,7%.

d. Chi phí không chính thức

Điểm trung vị CSTP CPKCT là 6,06 điểm, so với năm 2022, CSTP CPKCT giảm 0,36 điểm. Có 4/8 huyện thị tăng điểm trong năm 2022 trong đó có huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút, và đây là hai địa phương có điểm CSTP CPKCT cao trong nhóm cấp huyện với số điểm lần lượt là 6,99 điểm và 6,77 điểm.

Hình 23. CSTP Chi phí không chính thức cấp huyện



Trong CSTP CPKCT, tỷ lệ DN cảm nhận có trả CPKCT có trung vị 11%, tăng 3,9% so với năm 2022. Kết quả khảo sát cũng cho thấy DN cảm nhận hiện tượng những nhiều chưa có sự cải thiện trong năm 2023, tỷ lệ DN cảm nhận “*Hiện tượng những nhiều là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan*” có trung vị 9,8% tăng 1,3% so với năm trước. Ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận “*Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được*” có trung vị là 26,1% giảm 13% so với năm 2022. Điểm có xu hướng cải thiện trong CSTP CPKCT là tiêu chí “*CPKCT được giảm bớt*” khi có trung vị 31% tăng 8,7% so với năm trước.

e. Cuộc thi bình đẳng

Điểm trung vị CSTP Cuộc thi bình đẳng 6,69 điểm, tăng 0,54 điểm so với năm 2022 đây cũng là CSTP có điểm trung vị cao thứ hai trong 8 CSTP. Huyện Tuy Đức và huyện Đắk Song là các đơn vị có sự cải thiện tích cực về CSTP Cuộc thi bình đẳng trong nhóm cấp huyện và cũng là hai đơn vị có điểm CSTP Cuộc thi bình đẳng cao trong nhóm cấp huyện.

Hình 24. CSTP Cuộc thi bình đẳng cấp huyện



Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ DN cho rằng cấp huyện có DN sâu, DN thân hữu có trung vị 8,1% giảm 1,6% trong năm 2023. Tiêu chí "*DN sâu, DN thân hữu được ưu ái hơn trong tiếp cận nguồn lực nhà nước*" có trung vị 20,7% giảm 8,4%, bên cạnh đó tiêu chí "*DN lớn được nhiều cơ chế ưu đãi hơn so với DNNVV*" có trung vị 40,7% giảm 9,3%. Bên cạnh các tiêu chí có xu hướng cải thiện, tiêu chí "*DN lớn được ưu ái hơn DNNVV trong việc tiếp cận thông tin*" trung vị 24,6% tăng 1,2%, tiêu chí "*DN lớn được ưu tiên hơn DNNVV trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC*" có trung vị 25,4% tăng 2,5%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ DN cảm nhận "*Việc ưu ái cho các DN lớn, DN sâu, DN thân hữu có gây khó khăn cho DN*" có trung vị tăng 10,9% trong năm 2023. Ngoài ra DN cảm nhận cấp huyện thường xuyên quan tâm đến các DNNVV có trung vị giảm 8,9% trong năm 2023 xuống còn 25,7%.

f. Hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số Hỗ trợ DN năm 2023 có điểm trung vị là 5,84 điểm, giảm 0,46 điểm so với năm trước. So với các CSTP khác, CSTP Hỗ trợ DN có điểm trung vị xếp thứ 7/8 CSTP. Có 3/8 huyện, thành phố tăng điểm CSTP Hỗ trợ DN trong năm 2023.

Hình 25. CSTP Hỗ trợ DN cấp huyện



Cảm nhận về các chương trình hỗ trợ DN, tỷ lệ "DN được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN" có trung vị 68,4% tăng 2,5% trong năm 2023, tuy nhiên đánh giá chất lượng các chương trình hỗ trợ DN, tỷ lệ DN cảm nhận các chương trình hỗ trợ DN thiết thực có trung vị 79,4% giảm 4,9% so với năm 2022. Đánh giá về các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN, tiêu chí "DN được mời/ thông báo tham gia các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN" ở cấp huyện có trung vị 77,4% giảm 0,4%, ngoài ra tỷ lệ DN cảm nhận "Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin" có trung vị giảm 1,2% trong năm 2023.

g. Thiết chế pháp lý

Điểm trung vị CSTP Thiết chế pháp lý là 5,94 điểm giảm 0,65 điểm so với năm 2022. Trong 8 huyện, thành phố, huyện Đắk Song là đơn vị duy nhất có điểm CSTP Thiết chế pháp lý 2023 cao hơn so với năm trước.

Hình 26. CSTP Thiết chế pháp lý cấp huyện



Kết quả khảo sát cho thấy, đa phần các tiêu chí đều có điểm trung vị thấp hơn năm 2022, tiêu chí "Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình,

quy định” có trung vị ở mức khá tốt 85,4%, tuy nhiên cũng đã giảm 3,3% so với năm trước. Tỷ lệ DN cảm nhận “*Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng*” giảm 1,1% so với năm 2022, tỷ lệ DN cho rằng “*DN phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề*” không có quá nhiều biến động, trung vị tăng 0,8% so với năm trước. Cảm nhận của DN về việc cấp huyện có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại có trung vị tăng 2,5% đạt 73,3%.

h. Vai trò người đứng đầu

Điểm số trung vị của chỉ số Vai trò người đứng đầu năm 2023 là 7,4 điểm, tăng 0,97 điểm so với năm 2022. Có 5/8 huyện, thành phố có điểm CSTP Vai trò người đứng đầu. Các địa phương có mức độ cải thiện đáng kể trong CSTP Vai trò người đứng đầu là huyện Tuy Đức (tăng 1,87 điểm), huyện Đắk Song (tăng 1,4 điểm), huyện Đắk Mil (tăng 1,32 điểm).

Hình 27. CSTP Vai trò người đứng đầu cấp huyện

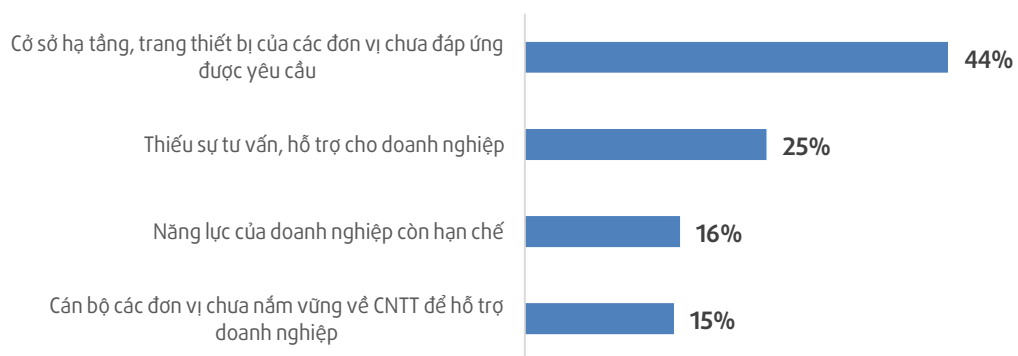


Theo kết quả khảo sát DDCI Đắk Nông 2023, đa phần các tiêu chí có điểm trung vị cao hơn năm 2022, tiêu chí “*Lãnh đạo Cấp huyện có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm*” có trung vị tăng 3,9% so với năm trước. Tiêu chí “*Lãnh đạo cấp huyện lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN*” có trung vị tăng 8%. Bên cạnh những tiêu chí có xu hướng cải thiện, thì cũng ghi nhận một số tiêu chí có trung vị giảm, trong đó điểm đáng lưu ý là hiện tượng cấp thực thi chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành từ cấp trên có trung vị là 35,4% tăng 15,4% so với năm 2022.

3. Một số điểm lưu ý từ kết quả khảo sát DDCI

Khảo sát DCI Đắc Nông 2023 tìm hiểu thêm về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp như thế nào, cụ thể có tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện TTHC hoặc thủ tục liên quan so với phương thức truyền thống, có thể thấy DN đã cảm nhận sự thay đổi phần nào đó đã mang lại hiệu quả cho DN. Theo kết quả khảo sát 53% DN cảm nhận việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện có giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm một phần thời gian thực hiện TTHC hoặc thủ tục liên quan. Tương tự có 55% DN được hỏi cảm nhận rằng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm một phần chi phí thực hiện TTHC hoặc thủ tục liên quan. Mặc dù có những kết quả tích cực ban đầu tuy nhiên để việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện đạt được đúng như yêu cầu, kỳ vọng của doanh nghiệp thì còn nhiều việc phải làm. Khi được hỏi đâu là nguyên nhân chính khiến cho việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và cấp huyện chưa đạt như kỳ vọng của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC hoặc thủ tục liên quan thì nguyên nhân được nhiều DN nhất đến nhất là “Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu” với tỷ lệ 44%; bên cạnh đó cũng có 25% DN cảm nhận nguyên nhân là do “Thiếu sự tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp” cuối cùng có 16% DN cho biết nguyên nhân là do năng lực của chính DN còn hạn chế.

Hình 28. Nguyên nhân cho việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số chưa đạt kỳ vọng của DN



Trong quá trình xây dựng báo cáo, nhóm nghiên cứu ghi nhận một số điểm đáng chú ý về chất lượng điều hành kinh tế của hai nhóm sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Đăk Nông trong năm 2023 qua lăng kính của các CSTP của DDCI. Các điểm đáng chú ý bao gồm:

- Các CSTP Tính minh bạch và Cạnh tranh bình đẳng là các CSTP có điểm trung vị cao ở cả hai nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện. Ở chiều ngược lại các CSTP Tính năng động và Hỗ trợ DN là các CSTP có điểm trung vị thấp ở cả hai nhóm.

- Kết quả khảo sát cho thấy DN cảm nhận khá tích cực về "*Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin dễ dàng*" ở cả hai nhóm, nhóm sở, ban, ngành có trung vị là 85,7%, đối với cấp huyện trung vị cao hơn với 87,9%.

- Trong CSTP Tính năng động, cảm nhận của DN về tiêu chí "*Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi*" có trung vị ở mức khá cao, nhóm sở, ban, ngành có trung vị là 84,3% và trung vị cấp huyện là 87,7%, cả hai nhóm đều có trung vị tăng trong năm 2023.

- Tại CSTP Chi phí thời gian, tiêu chí "*Nội dung thanh, kiểm tra trùng lặp*" có trung vị giảm ở cả hai nhóm, trung vị tiêu chí này ở nhóm sở, ban, ngành là 17,4% và cấp huyện là 17%.

- Trong CSTP Tính minh bạch, tỷ lệ DN cảm nhận "*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN*" không quá cao và có xu hướng giảm ở cả hai nhóm. Tiêu chí "*Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN*" ở nhóm sở, ban, ngành có trung vị 50,3% và ở cấp huyện là 46,1%.

- Hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn ở cả hai nhóm có xu hướng gia tăng, ở nhóm sở, ban, ngành trung vị của tiêu chí này tăng 4,4% lên mức trung vị 16,8%; ở nhóm cấp huyện trung vị tăng 8,7% lên mức trung vị 21,8%.

- Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ DN có trả CPKCT đang có xu hướng gia tăng ở cả hai nhóm. Trong nhóm sở, ban, ngành tiêu chí này có trung vị là 7,5% và ở cấp huyện thì cao hơn với trung vị là 11%.

- DN đặc biệt là DNNVV cảm nhận ít được sự quan tâm thường xuyên ở cả cấp sở, ban, ngành và cấp huyện. Có trung vị 74,6% DN cảm nhận cấp sở, ban, ngành chưa thường xuyên quan tâm đến DNNVV; đối với cấp huyện có trung vị 74,3% DN cảm nhận cấp huyện chưa thường xuyên quan tâm đến DNNVV.

- Trong CSTP Vai trò người đứng đầu, tỷ lệ DN cảm nhận "*Cấp thực thi chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành từ cấp lãnh đạo*" có trung vị 28,6% ở nhóm sở, ban, ngành và trung vị 35,4% ở cấp huyện.

Chương



MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KHUYẾN
NGHỊ

CHƯƠNG III –MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ

I. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo trong cán bộ công chức khi giải quyết công việc.

Để có một MTKD năng động, thân thiện với DN, thu hút các nhà đầu tư thì ngoài việc có những chương trình, kế hoạch hành động thì yếu tố con người thực thi sẽ là yếu tố rất quan trọng. Cán bộ cũng như lãnh đạo các đơn vị phải phát huy sự năng động, sáng tạo trong công việc để có thể xây dựng MTKD thân thiện, kết quả khảo sát DDCI Đắk Nông 2023 DN đánh giá Tính năng động trong cả 2 nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện có trung vị thấp trong 8 CSTP. Việc khuyến khích tính năng động, dám nghĩ dám làm của cán bộ trong công việc không chỉ còn là việc của riêng mỗi đơn vị hay địa phương. Chính phủ đã xác định thúc đẩy thể chế đổi mới, sáng tạo là một trong những nội dung cốt lõi trong đột phá chiến lược về hoàn thiện thể chế để phát triển thông qua việc ban hành Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Nghị định nêu rõ các điều kiện, hình thức khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo và đặc biệt là các quy định về trường hợp cán bộ được bảo vệ cũng như các biện pháp bảo vệ, điều này giúp cho cán bộ tự tin hơn khi thực hiện đề xuất đổi mới, sáng tạo trong công việc. Đây sẽ là căn cứ pháp lý tốt cho tỉnh để ra những quy định hỗ trợ sự năng động, sáng tạo trong đội ngũ cán bộ tỉnh.

Hiện nay tình trạng cán bộ công chức thực hiện một cách máy móc các qui định dẫn đến năng suất làm việc chưa cao, chưa tạo được sự thuận lợi cho DN khi làm vẫn tồn tại trên toàn quốc nói chung và tại tỉnh nói riêng. Một trong những nguyên nhân là nhiều quy định chồng chéo, phức tạp, nội dung chưa rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn đến cán bộ thực thi chưa rõ làm như thế nào là đúng. Bên cạnh đó còn là tâm lý của một bộ phận cán bộ, công chức hiện nay khá e sợ, không dám và không muốn làm, thà bị kỷ luật do chưa hoàn thành nhiệm vụ hơn là dính dáng đến pháp luật. Do đó cần phải có sự khuyến khích đồng thời bảo vệ để cán bộ có thể tự tin, năng động trong công việc phá vỡ được sự máy móc kiểm hãm hiệu quả công việc. Để thúc đẩy sự năng động ở mỗi cán bộ, phải thay đổi cách thức đánh giá cán bộ. Thay vì khen thưởng để bạt những cán bộ ít sai phạm do không năng động, sợ trách nhiệm nên khen

thường những cán bộ linh hoạt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm (dù có thể họ có một số quyết định chưa đúng). Phải quy trách nhiệm đối với những cán bộ vì sợ trách nhiệm nên không giải quyết hoặc giải quyết chậm trễ công việc thuộc thẩm quyền. Bên cạnh đó cần quy định rõ những trường hợp nào phải xin ý kiến, không xin ý kiến, để khắc phục tình trạng cấp dưới sợ trách nhiệm nên luôn xin ý kiến cấp trên, lãnh đạo các cấp phải tự quyết và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn của mình. Sợ trách nhiệm nên không dám quyết là sai nhưng vì sợ trách nhiệm nên phải quyết, quyết đúng và kịp thời là rất tốt.

Đối với mỗi cơ quan, đơn vị thì cán bộ nhân viên không thể năng động, sáng tạo trong khi người đứng đầu đơn vị lại kém năng động, sợ trách nhiệm. Công tác cán bộ cần chú trọng cân nhắc, xem xét về việc cá nhân đó có đầy đủ các kiến thức chuyên môn, nắm vững pháp luật liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách từ đó lãnh đạo cũng như cán bộ các đơn vị tự tin, quyết đoán khi phải ra quyết định; có sự bản lĩnh- dám làm/quyết, dám chịu trách nhiệm để hoàn thành các công việc một cách tốt nhất. Bên cạnh việc cấp lãnh đạo năng động, dám nghĩ dám làm, thì các lãnh đạo cũng phải lan tỏa, hướng dẫn, kiểm tra để cấp dưới của mình chủ động, sáng tạo trong công việc, giảm thiểu tình trạng cấp dưới chưa thực hiện tốt chủ trương của cấp lãnh đạo mà hiện nay theo khảo sát DDCI thì yếu tố này đang có gia tăng ở cả hai nhóm sở, ban, ngành và địa phương.

II. Tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng DN

Trong năm vừa qua tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng DN; các chương trình đối thoại DN, Cafe doanh nhân ... thường xuyên được tổ chức để thu thập, giải quyết khó khăn, vướng mắc của DN. Những nỗ lực hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho DN của tỉnh đã giúp đẩy nhanh việc giải quyết, tháo gỡ các khó khăn mang tính phức tạp của cộng đồng DN, mặc dù vậy sự kỳ vọng của cộng đồng DN về việc giải quyết vướng mắc vẫn còn rất lớn và các cơ quan chính quyền cần rất nhiều nỗ lực để đáp ứng kỳ vọng đó.

Trong thời gian tới tỉnh cần duy trì và đẩy mạnh công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho DN. Khâu thu thập, tổng hợp khó khăn, vướng mắc của DN cần được mở rộng hơn nữa bằng nhiều hình thức. Nâng cao hơn nữa vai trò của các Hiệp hội DN trong việc tập hợp ý kiến của cộng đồng DN và phản ánh các ý kiến đến các đơn vị tại tỉnh có hiệu quả với tinh thần: trách

nhiệm, chia sẻ và sáng kiến để vượt qua khó khăn. Đối với công tác giải quyết và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thì cần đẩy nhanh quá trình xử lý, tập trung giải quyết các vấn đề nổi cộm, tác động đến nhiều DN tại tỉnh. Và đặc biệt là kết quả giải quyết phải được thông tin rộng rãi, đầy đủ và nhanh chóng đến cộng đồng DN. Vấn đề nào tỉnh giải quyết được thì cần thông tin kết quả giải quyết đến đâu, vấn đề nằm ngoài quyền hạn thì cần thông tin về quá trình tỉnh đưa vấn đề đến các cơ quan cấp trên có liên quan. Thực hiện tốt giải quyết khó khăn, vướng mắc cho DN sẽ là chìa khóa để tỉnh, các sở, ban, ngành và cấp huyện nâng cao hình ảnh chính quyền luôn đồng hành cùng cộng đồng DN tỉnh, qua đó thúc đẩy cải thiện MTKD trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh việc tháo gỡ vướng mắc, các đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông cần đồng hành xây dựng cộng đồng DN tỉnh lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, quy mô. Tập trung hỗ trợ tích cực, có hiệu quả cho DN mở rộng quy mô, nâng cao trình độ quản trị DN theo chuẩn khu vực, quốc tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của DN. Đồng thời, khuyến khích hỗ trợ phát triển DN nhỏ và vừa; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh... Ngoài ra, cần xây dựng chính sách phát triển DN có tính chiến lược, khai thác lợi thế ngành, lĩnh vực để đón bắt cơ hội nhằm phục hồi và phát triển mạnh mẽ hoạt động kinh tế trên địa bàn tỉnh.

III. Các giải pháp đồng bộ cải thiện chi phí thời gian

Trong khảo sát DDCI Đắk Nông 2023, CSTP Chi phí thời gian ở cả cấp sở, ban, ngành và cấp địa phương đều có điểm trung vị thấp hơn so với các CSTP khác, đặc biệt là ở nhóm sở, ban, ngành CSTP Chi phí thời gian là một trong 3 CSTP có điểm trung vị thấp trong nhóm. Một trong những yếu tố để cải thiện CSTP chi phí thời gian là cải cách TTHC, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC.

Hiện nay Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến cải cách TTHC và cải thiện MTKD như Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 về ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025, Nghị quyết số 76/NQ-CP ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030 ...Trong năm 2023, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Chỉ thị 27/CT-TTg ngày

27 tháng 10 năm 2023 về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp. Tỉnh tiếp tục thực hiện tốt những nghị quyết, chính sách đã được chính phủ ban hành. Các cơ quan của tỉnh cần tiếp tục nghiên cứu rút ngắn thời gian thực hiện các TTHC của DN, tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến để nâng cao tính minh bạch, hiệu năng, hiệu quả trong thực hiện TTHC, giảm chi phí không chính thức tạo niềm tin cho nhà đầu tư, DN về nền hành chính minh bạch, thân thiện, hiện đại.

Đối với các sở, ban, ngành và các địa phương việc cắt giảm số bước thủ tục sẽ gặp khó khăn vì vướng các quy định. Các đơn vị có thể nghiên cứu triển khai các phương án cụ thể trên tinh thần sau:

- Giảm thời gian làm mỗi bước thủ tục, xem xét tăng cường liên thông, trao đổi thông tin qua mạng điện tử giữa các cơ quan quản lý nhà nước làm giảm số lượng đầu mối cơ quan tiếp nhận và trả kết quả.

- Cho phép làm nhiều bước thủ tục một cách đồng thời, cơ quan này gửi kết quả cho cơ quan kia chứ không yêu cầu DN phải nhận giấy tờ ở nơi này để nộp cho nơi khác.

- Tăng cường thực hiện chuyển giao các TTHC sang giải quyết bằng hành chính công trực tuyến, bên cạnh đó bảo đảm giải quyết đúng thời hạn và trước thời hạn các thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. Kịp thời khắc phục đối với các trường hợp để xảy ra chậm muộn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ, kiên quyết xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực, làm phát sinh thêm thủ tục hành chính hoặc nhiều lần để xảy ra tình trạng chậm trễ trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, đây cũng là những điều được qui định tại Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023.

Bên cạnh việc rút ngắn thời gian thực hiện TTHC cho DN thì công tác thanh tra, kiểm tra cũng là vấn đề cần lưu ý trong việc cải thiện CSTP Chi phí thời gian. Công tác thanh tra, kiểm tra mặc dù đã có sự cải thiện nhưng vẫn cần phải nâng cao hơn nữa, công tác thanh tra, kiểm tra

không chỉ xử lý những vi phạm mà còn tối thiểu chi phí tuân thủ của DN. Một trong những phương pháp cải thiện là tăng cường áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro vào thanh tra, kiểm tra. Chính phủ đã nhiều lần chỉ đạo việc tăng cường áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro vào thanh tra, kiểm tra DN tại các Nghị quyết 19 và Nghị quyết 02 về cải thiện môi trường kinh doanh, do đó cần triển khai thành chủ trương chung rộng khắp trong các cơ quan, đơn vị tại tỉnh. Thời gian qua, ngành thuế, hải quan áp dụng phương thức chấm điểm rủi ro của DN, hồ sơ, lô hàng để lựa chọn đối tượng, nội dung, phạm vi thanh tra có mức độ rủi ro vi phạm pháp luật cao nhất cho thấy có nhiều tác dụng tích cực. Do vậy, hoạt động thanh, kiểm tra phải dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro để lựa chọn đối tượng, phạm vi và thời gian thanh, kiểm tra.

IV. Tăng tính hiệu quả trong giải quyết khó khăn, kiến nghị tại các đơn vị

Trong năm 2023, tỉnh Đắk Nông tiếp tục tập trung cải thiện công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị của DN, các đơn vị của tỉnh rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và có giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác phối hợp để giải quyết các khó khăn, kiến nghị của DN. Những nỗ lực của tỉnh đã mang lại những tiến triển tích cực trong việc giải quyết khó khăn, kiến nghị của DN, mặc dù vậy để đáp ứng và giải quyết triệt để những vấn đề của DN cần những nỗ lực kiên trì và mang tính liên tục từ tỉnh. Kết quả khảo sát DDCI Đắk Nông 2023 ghi nhận CSTP Thiết chế pháp lý ở nhóm cấp huyện có trung vị thấp hơn 0,65 điểm so với năm 2022. Một số các tiêu chí đánh giá về giải quyết các khó khăn, kiến nghị chưa được cải thiện trong năm 2023 ở cả hai nhóm sở, ban, ngành và cấp huyện; tiêu chí DN kiến nghị vượt cấp để có thể giải quyết được vấn đề có trung vị tăng 0,8% ở cả hai nhóm; trung vị DN cảm nhận có hỗ trợ pháp lý từ các đơn vị khi DN có khiếu nại cũng giảm ở hai nhóm; ngoài ra tiêu chí "*Phản ánh, kiến nghị của DN luôn được giải quyết thỏa đáng*" có trung vị giảm 1,1% ở nhóm cấp huyện.

Phản ánh các khó khăn, kiến nghị là quyền lợi của DN, là công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích của DN. Các khó khăn, kiến nghị của DN cũng là một kênh thông tin khách quan phản ánh chất lượng thực thi của các cơ quan nhà nước và tình hình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức. Do đó, công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị có vai trò quan trọng trong quản lý, điều hành của các đơn vị. Khi công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị được thực hiện đúng quy định sẽ góp phần phát huy tính minh bạch, công bằng của bộ máy nhà nước, đồng thời tạo lòng tin của DN về một môi trường kinh doanh thân thiện, minh bạch, công bằng tại tỉnh.

Để có xu hướng cải thiện trong CSTP Thiết chế pháp lý, cũng như các tiêu chí đánh giá về công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị thì yếu tố năng lực của cán bộ tham mưu giải quyết kiến nghị cần phải được xem xét đầu tiên. Các cán bộ phụ trách giải quyết khó khăn, kiến nghị phải nắm vững các quy định pháp luật về công tác tiếp công dân, giải quyết kiến nghị. Đồng thời, phải nghiên cứu thêm các quy định của ngành, lĩnh vực liên quan đến kiến nghị như: về đất đai, tài chính - ngân sách ... để tham mưu cho cấp thẩm quyền xử lý đúng pháp luật. Bên cạnh đó các cấp quản lý cũng cần thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện. Ngoài ra, quy định pháp luật thường xuyên có những cập nhật, bổ sung bên cạnh đó những vấn đề vướng mắc của DN cũng có sự thay đổi liên tục do đó đội ngũ cán bộ trực tiếp cũng như tham mưu công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị cần được bồi dưỡng và cập nhật kiến thức liên quan thường xuyên.

Bên cạnh yếu tố con người thì việc giám sát công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị là nhiệm vụ quan trọng và là một trong những yếu tố góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị. Tăng cường công tác giám sát đối với đơn vị, bộ phận có trách nhiệm giải quyết khó khăn, kiến nghị, công tác tiếp DN, thường xuyên tổ chức các cuộc giám sát chuyên đề về giải quyết khó khăn, kiến nghị của DN. Ngoài nhiệm vụ giám sát thì cần phải hỗ trợ, tiếp nhận những vướng mắc, khó khăn của chính những đơn vị, bộ phận thực hiện giải quyết kiến nghị để có sự phối hợp nhằm tăng tính hiệu quả trong công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị của DN. Công tác giám sát giải quyết khó khăn, kiến nghị, tiếp DN nếu được các cấp, các đơn vị quan tâm sẽ giảm tải được lượng lớn kiến nghị, khiếu nại tồn đọng, kéo dài, vượt cấp.

Tăng cường công tác phối hợp, tuyên truyền các quy định pháp luật và các quy định có liên quan về việc giải quyết kiến nghị, khó khăn vướng mắc để DN nắm rõ; nâng cao vai trò của các tổ chức hỗ trợ tư vấn pháp lý ở địa phương. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cơ quan, các ban ngành, đoàn thể trong giải quyết khó khăn, kiến nghị. Nghiên cứu triển khai áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử kết nối về việc tiếp nhận, giải quyết khó khăn, kiến nghị ở cấp địa phương và các sở, ban, ngành để phục vụ các cơ quan có liên quan theo dõi quá trình giải quyết khó khăn, kiến nghị tránh tình trạng kiến nghị trùng lặp, giảm áp lực cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời cũng là kênh để các đơn vị tại tỉnh có thể nắm rõ tình hình giải quyết khó khăn, kiến nghị tại tỉnh. Hiện nay tỉnh đã triển khai ứng dụng Đaknong-

Cơ quan và Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông (IOC) giúp điều hành giám sát tập trung toàn bộ các hoạt động. Nếu các đơn vị đầu tư quan tâm và sử dụng hiệu quả những nền tảng công nghệ hiện tại sẽ có được thuận lợi trong việc hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về công tác giải quyết khó khăn, kiến nghị, ngoài ra các kiến nghị của DN sẽ được giải quyết triệt để, kịp thời hơn từ đó tạo ra sự đồng thuận, chia sẻ của DN, người dân đối với các vấn đề xử lý của nhà nước.

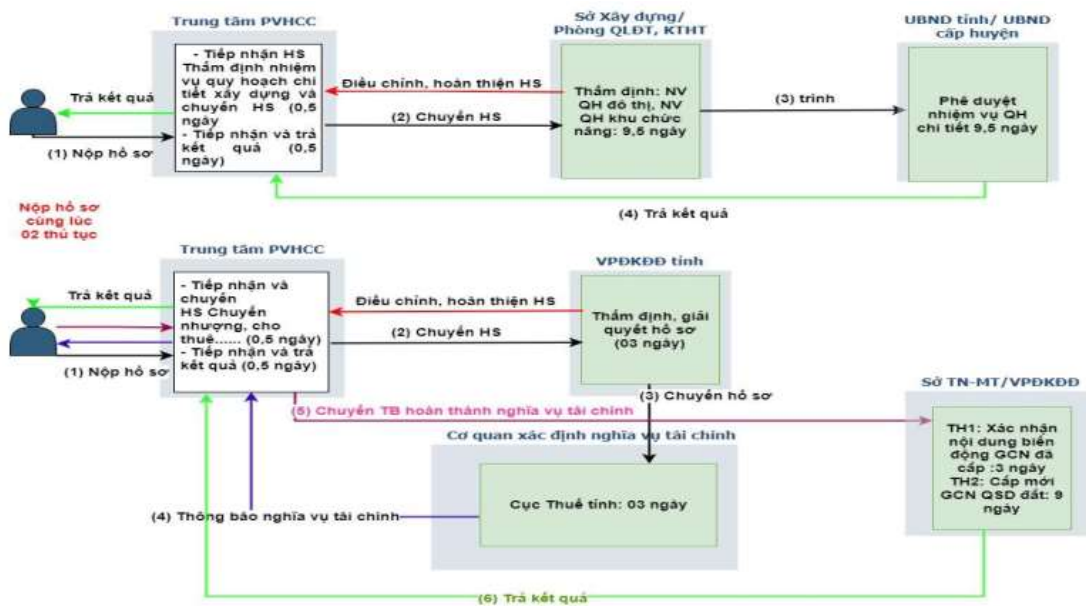
V. Hệ thống hóa trình tự thủ tục, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phối hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy - Thực tiễn từ tỉnh Bình Định

Nằm trong những nỗ lực cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh bền vững của tỉnh Bình Định, tháng 11/2023, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy chế hệ thống hóa về trình tự thủ tục, thời gian và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phối hợp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả trình tự thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; công tác xác định giá đất cụ thể. Việc ban hành quy chế nhằm cắt giảm tối đa số lượt đi lại, tiết kiệm thời gian, chi phí cho nhà đầu tư khi thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh. Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy đối với các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Định giảm hơn một nửa so với quy định.

Theo đó, tổng thời gian giải quyết tất cả các thủ tục từ khi chấp thuận chủ trương đầu tư đến khi có Giấy phép xây dựng để triển khai *các dự án ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp* được rút ngắn xuống chỉ còn 118 ngày (quy định hiện nay là 242 ngày) được thực hiện qua 06 bước nộp hồ sơ. Thời gian giải quyết các thủ tục đối với *các dự án trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp* được rút ngắn còn 60 ngày (thời gian theo quy định 145 ngày) được thực hiện qua 5 bước nộp hồ sơ.

Để có thể rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính của một số lĩnh vực phức tạp như đất đai hay các lĩnh vực được quản lý theo ngành dọc như phòng cháy chữa cháy, quy chế đã quy định cụ thể nhiều nhiều thủ tục được thực hiện song song, đồng thời qua đó rút ngắn đáng kể thời gian chờ thực hiện các thủ tục của DN. Trong trình tự thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và PCCC trên địa bàn tỉnh trường hợp ngoài khu công nghiệp và khu kinh tế, thủ tục chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc giải phóng mặt bằng được thực hiện đồng thời với thủ tục “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng” ngay sau khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Ngoài ra để DN, người dân có thể dễ hình dung quy trình thực hiện các thủ tục, trình tự đã minh họa bằng lưu đồ cụ thể quy trình xử lý TTHC, các đơn vị có trách nhiệm xử lý.

Hình 29. Lưu đồ quy trình thực hiện đồng thời hai nhóm thủ tục



Quy chế cũng quy định việc trả hồ sơ để đề nghị nhà đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là: *1 hồ sơ chỉ được trả 1 lần duy nhất; thời gian trả kể từ khi tiếp nhận là không quá 10% thời gian giải quyết.* Ví dụ: thời gian giải quyết hồ sơ 20 ngày, thì thời gian được trả chỉ trong 2 ngày đầu tiên. Nếu trả sau 02 ngày thì hồ sơ này được tính là hồ sơ giải quyết quá hạn.

Cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính phải chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khác để giải quyết trong thời hạn quy định theo đúng chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi quản lý; không được đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; tuyệt đối tránh tình trạng chờ nhà đầu tư liên hệ rồi mới xem xét, giải quyết.

Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan đến dự án đầu tư có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, đúng thời gian quy định khi được cơ quan chủ trì đề nghị tham gia ý kiến. Nếu quá thời hạn quy định tại quy chế này nhưng không có văn bản tham gia ý kiến thì được xem như thống nhất và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về nội dung đã thống nhất.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Kết quả đánh giá DDCI Đắk Nông nhóm sở, ban, ngành

1. Kết quả chung

Sở, ban, ngành	Điểm số DDCI	CSTP 1: Tính Minh bạch	CSTP 2: Tính năng động	CSTP 3: Chi phí thời gian	CSTP 4: Chi phí không chính thức	CSTP 5: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 6: Hỗ trợ DN	CSTP 7: Thiết chế pháp lý	CSTP 8: Vai trò người đứng đầu
Sở TT&TT	71,02	7,30	6,36	7,36	7,12	7,61	7,28	7,77	6,87
V PUBND tỉnh	70,79	7,58	6,55	7,16	7,06	7,71	7,07	7,49	6,73
Sở LĐ, TB&XH	70,35	7,15	6,97	6,96	7,21	7,68	6,70	7,32	6,52
Thanh tra tỉnh	68,79	7,00	6,58	7,08	6,86	7,68	6,38	7,48	6,48
Sở Công thương	66,90	6,18	6,61	7,11	6,89	6,85	6,38	6,99	6,55
Sở KH&ĐT	66,55	6,91	5,81	6,74	6,49	7,61	5,93	8,37	6,41
Sở KH&CN	66,47	7,01	6,18	6,35	6,99	7,49	6,21	6,39	6,79
Cục thuế Tỉnh	66,04	6,66	6,09	6,45	7,79	6,51	5,79	7,31	6,31
BHXH tỉnh	65,96	7,28	6,21	7,04	6,46	7,28	6,12	7,18	5,96
Sở Tư pháp	65,68	6,47	6,22	6,03	6,16	7,44	6,40	7,60	6,71
Công an Tỉnh	65,46	6,96	5,84	6,77	6,47	7,59	6,03	7,08	6,44
Sở VH, TT&DL	65,24	7,44	6,24	6,25	6,11	7,66	5,71	6,89	6,42
Sở GTVT	64,79	7,47	6,25	5,75	6,54	6,74	6,37	6,95	6,12
Sở Tài chính	63,25	6,58	5,87	5,44	6,35	7,33	6,06	7,95	5,74
BQL các KCN tỉnh	62,47	6,72	6,08	5,92	6,34	7,00	6,01	6,35	5,87
Sở NN&PTNT	62,23	6,42	5,33	6,22	6,49	6,48	5,84	7,27	6,40
Sở Xây dựng	60,15	6,51	5,84	5,26	6,24	6,03	5,76	6,41	6,10
Sở TN&MT	59,77	6,12	6,02	5,83	6,01	5,87	5,54	5,86	6,32
Cục QL thị trường	55,81	6,43	5,37	5,11	5,24	4,90	5,56	5,92	6,18
Cao nhất	71,02	7,58	6,97	7,36	7,79	7,71	7,28	8,37	6,87
Trung vị	65,68	6,91	6,18	6,35	6,49	7,33	6,06	7,18	6,41
Thấp nhất	55,81	6,12	5,33	5,11	5,24	4,90	5,54	5,86	5,74

2. Chi tiết các CSTP

2.1. Tính minh bạch

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của sở, ban, ngành dễ dàng (%DN)	Cần có "mối quan hệ" để có thể tiếp cận được tài liệu của sở, ban, ngành (%DN)*	DN truy cập vào website của các sở, ban, ngành (%DN)	DN cảm nhận thông tin trên Website của sở, ban, ngành là hữu ích (%DN)	Thông tin được cung cấp kịp thời (%DN)	Nội dung thông tin đầy đủ, rõ ràng (%DN)	Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN (%DN)
1	Sở KH&ĐT	6,91	75,7%	12,8%	82,1%	80,2%	88,8%	71,4%	52,6%
2	Sở TN&MT	6,12	76,9%	13,8%	80,0%	80,6%	67,1%	72,4%	53,1%
3	Sở Xây dựng	6,51	89,8%	15,4%	73,5%	76,4%	89,6%	71,3%	50,3%
4	Sở Công thương	6,18	81,3%	12,8%	77,6%	75,5%	87,5%	71,2%	46,2%
5	Sở LĐ, TB & XH	7,15	90,6%	12,9%	81,8%	73,7%	87,3%	72,2%	48,5%
6	Sở NN & PTNT	6,42	74,1%	13,0%	78,6%	80,2%	88,7%	70,1%	52,8%
7	Sở TT&TT	7,30	73,9%	10,3%	83,6%	83,1%	89,7%	72,5%	51,4%
8	Sở Tư pháp	6,47	88,9%	33,8%	80,6%	84,7%	84,9%	71,6%	45,3%
9	Sở GTVT	7,47	79,5%	11,4%	87,6%	81,1%	77,0%	72,4%	52,3%
10	Sở Tài chính	6,58	82,8%	13,7%	77,2%	84,8%	84,0%	72,3%	39,4%
11	Công an tỉnh	6,96	75,8%	12,8%	82,3%	80,4%	88,9%	71,5%	52,6%
12	VP UBND tỉnh	7,58	86,5%	12,5%	84,3%	81,0%	76,9%	72,4%	53,4%
13	Thanh tra tỉnh	7,00	91,6%	12,3%	86,0%	72,9%	90,2%	72,8%	30,8%
14	BQL các KCN tỉnh	6,72	84,2%	15,3%	77,4%	88,7%	78,9%	63,8%	45,8%
15	Cục thuế tỉnh	6,66	87,2%	12,8%	80,9%	84,4%	77,2%	72,4%	30,7%
16	BHXH tỉnh	7,28	88,8%	13,2%	74,3%	81,0%	95,1%	72,4%	52,2%
17	Sở KH&CN	7,01	88,2%	12,3%	81,7%	72,9%	92,6%	72,1%	45,6%
18	Sở VH,TT&DL	7,44	86,6%	12,3%	80,9%	83,8%	76,9%	72,3%	52,3%
19	Cục QLTT	6,43	85,7%	13,6%	77,9%	79,9%	85,5%	69,1%	40,4%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.2. Tính năng động

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo sở, ban, ngành nhằm tạo MTKD thuận lợi (%DN)	Sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh (%DN)	Sở, ban, ngành kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình (%DN)	Sở, ban, ngành chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn (%DN)	Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ sở, ban, ngành khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên (%DN)*
1	Sở KH&ĐT	5,81	78,8%	60,0%	60,8%	69,4%	13,6%
2	Sở TN&MT	6,02	88,8%	44,1%	65,5%	64,1%	12,6%
3	Sở Xây dựng	5,84	81,6%	45,7%	67,2%	71,7%	13,9%
4	Sở Công thương	6,61	89,8%	41,4%	67,0%	69,4%	11,9%
5	Sở LĐ, TB & XH	6,97	87,9%	47,3%	65,6%	72,9%	11,6%
6	Sở NN & PTNT	5,33	78,5%	56,2%	57,1%	68,6%	13,1%
7	Sở TT&TT	6,36	81,8%	56,9%	66,2%	68,3%	12,3%
8	Sở Tư pháp	6,22	82,7%	47,3%	72,2%	70,4%	14,1%
9	Sở GTVT	6,25	89,9%	45,5%	65,5%	63,5%	12,0%
10	Sở Tài chính	5,87	78,1%	53,7%	66,0%	72,3%	13,8%
11	Công an tỉnh	5,84	79,0%	60,0%	60,9%	69,6%	13,7%
12	VP UBND tỉnh	6,55	89,1%	46,3%	67,7%	67,2%	12,8%
13	Thanh tra tỉnh	6,58	82,5%	56,9%	66,0%	69,3%	11,8%
14	BQL các KCN tỉnh	6,08	89,1%	59,3%	75,9%	51,9%	16,4%
15	Cục thuế tỉnh	6,09	90,6%	39,5%	61,2%	70,2%	13,9%
16	BHXX tỉnh	6,21	84,3%	60,2%	67,5%	60,8%	13,0%
17	Sở KH&CN	6,18	82,1%	45,5%	72,3%	72,3%	14,3%
18	Sở VH,TT&DL	6,24	86,6%	57,6%	56,3%	66,7%	12,5%
19	Cục QLTT	5,37	84,8%	54,0%	65,3%	55,8%	12,9%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.3. Chi phí thời gian

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Tỷ lệ DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua (%DN)*	Nội dung thanh, kiểm tra trùng lặp (trường hợp DN bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm) (%DN)	Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (%DN)	Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt (%DN)	Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn (%DN)*	Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%DN)	Tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC tại sở, ban, ngành (%DN)	Tỷ lệ DN đi từ 1-2 lần để hoàn tất TTHC (không kể lần đến tìm hiểu đầu tiên) (%DN)
1	Sở KH&ĐT	6,74	7,4%	17,4%	66,0%	83,6%	27,0%	91,3%	94,4%	90,0%
2	Sở TN&MT	5,83	7,6%	18,9%	66,4%	83,5%	16,4%	90,6%	93,0%	72,4%
3	Sở Xây dựng	5,26	7,9%	25,0%	59,1%	83,2%	16,7%	86,2%	90,8%	86,7%
4	Sở Công thương	7,11	6,4%	22,4%	68,8%	85,6%	17,0%	89,8%	94,3%	91,3%
5	Sở LĐ, TB & XH	6,96	7,4%	15,5%	78,0%	82,6%	14,8%	90,1%	93,4%	85,0%
6	Sở NN & PTNT	6,22	7,4%	19,2%	66,3%	82,3%	25,0%	90,5%	91,7%	89,4%
7	Sở TT&TT	7,36	3,4%	14,3%	74,5%	84,2%	15,8%	90,7%	91,1%	90,4%
8	Sở Tư pháp	6,03	6,8%	14,3%	64,8%	84,1%	15,6%	91,8%	91,8%	70,7%
9	Sở GTVT	5,75	6,9%	19,6%	66,2%	82,4%	16,2%	90,3%	93,1%	72,9%
10	Sở Tài chính	5,44	7,1%	23,1%	64,5%	82,8%	16,9%	87,2%	92,9%	79,5%
11	Công an tỉnh	6,77	7,6%	17,5%	66,2%	83,6%	27,0%	91,4%	94,5%	90,1%
12	VP UBND tỉnh	7,16	8,8%	19,8%	64,1%	84,0%	17,1%	94,3%	93,5%	85,1%
13	Thanh tra tỉnh	7,08	10,8%	15,7%	75,3%	84,8%	17,0%	91,5%	91,3%	90,2%
14	BQL các KCN tỉnh	5,92	6,4%	12,8%	72,1%	82,0%	17,3%	84,8%	91,7%	89,1%
15	Cục thuế tỉnh	6,45	5,6%	16,2%	72,9%	83,5%	16,8%	89,8%	89,0%	86,9%
16	BHXH tỉnh	7,04	6,2%	11,6%	69,7%	83,7%	16,9%	95,0%	83,5%	90,7%
17	Sở KH&CN	6,35	7,4%	10,0%	75,0%	84,9%	14,8%	90,6%	83,0%	88,2%
18	Sở VH,TT&DL	6,25	3,8%	13,6%	72,9%	83,3%	16,7%	88,9%	87,3%	86,5%
19	Cục QLTT	5,11	9,8%	36,0%	73,8%	90,3%	15,7%	88,0%	82,2%	87,4%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.4. Chi phí không chính thức

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Tỷ lệ % DN có trả CPKCT (%DN)*	Hiện tượng nhùng nhể là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành (%DN)*	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (%DN)	Công việc kết quả hơn nếu chi trả CPKCT. (%DN)*	CPKCT được giảm bớt (về giá trị khoản CPKCT) (%DN)
1	Sở KH&ĐT	6,49	5,2%	10,0%	30,3%	26,3%	28,0%
2	Sở TN&MT	6,01	7,0%	14,1%	28,6%	32,3%	37,6%
3	Sở Xây dựng	6,24	9,5%	11,7%	29,4%	23,8%	33,7%
4	Sở Công thương	6,89	7,6%	8,8%	26,2%	21,6%	38,0%
5	Sở LĐ, TB & XH	7,21	5,8%	15,6%	34,5%	24,8%	45,1%
6	Sở NN & PTNT	6,49	5,4%	9,7%	30,3%	26,1%	27,8%
7	Sở TT&TT	7,12	5,7%	7,4%	40,7%	39,6%	42,2%
8	Sở Tư pháp	6,16	9,5%	9,4%	41,7%	26,2%	19,2%
9	Sở GTVT	6,54	6,0%	10,3%	31,3%	31,3%	36,0%
10	Sở Tài chính	6,35	7,6%	9,8%	38,0%	25,3%	21,7%
11	Công an tỉnh	6,47	5,4%	10,1%	30,5%	26,5%	28,1%
12	VP UBND tỉnh	7,06	8,4%	8,3%	37,3%	22,5%	32,1%
13	Thanh tra tỉnh	6,86	7,5%	9,7%	34,8%	22,6%	31,0%
14	BQL các KCN tỉnh	6,34	6,1%	8,0%	34,0%	25,0%	19,0%
15	Cục thuế tỉnh	7,79	8,3%	7,5%	30,5%	24,1%	53,0%
16	BHXH tỉnh	6,46	6,6%	28,0%	42,4%	21,1%	38,5%
17	Sở KH&CN	6,99	13,7%	13,5%	45,1%	19,6%	39,1%
18	Sở VH,TT&DL	6,11	7,7%	7,4%	28,8%	22,6%	20,0%
19	Cục QLTT	5,24	10,7%	19,8%	36,7%	37,5%	37,7%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.5. Cạnh tranh bình đẳng

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Sở, ban, ngành có DN sâu sau, DN thân hữu (%DN)*	DN sâu sau, DN thân hữu được ưu ái hơn trong tiếp cận nguồn lực nhà nước (ví dụ: đấu thầu, khoáng sản...) (%DN)*	DN lớn được ưu ái hơn DNNVV trong việc tiếp cận thông tin (%DN)*	DN lớn được ưu tiên hơn DNNVV trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC (%DN)*	DN lớn được ưu đãi hơn so với DNNVV (%DN)*	Việc ưu ái cho các DN lớn, DN sâu sau, DN thân hữu gây khó khăn cho DN (%DN)*	Sở, ban, ngành thường xuyên quan tâm đến các DNNVV (%DN)
1	Sở KH&ĐT	7,61	5,3%	31,4%	22,5%	19,5%	44,8%	25,7%	28,2%
2	Sở TN&MT	5,87	12,2%	33,6%	20,0%	35,2%	38,5%	33,3%	25,8%
3	Sở Xây dựng	6,03	10,4%	33,9%	27,4%	25,8%	37,2%	29,3%	21,8%
4	Sở Công thương	6,85	8,4%	29,2%	22,2%	23,0%	32,3%	25,0%	20,2%
5	Sở LĐ, TB & XH	7,68	5,5%	29,0%	22,1%	20,9%	32,1%	26,8%	26,1%
6	Sở NN & PTNT	6,48	5,1%	30,9%	22,4%	18,8%	44,6%	25,3%	16,3%
7	Sở TT&TT	7,61	4,8%	20,4%	16,7%	25,9%	42,6%	23,1%	22,2%
8	Sở Tư pháp	7,44	6,3%	31,9%	21,6%	25,0%	44,0%	24,0%	27,5%
9	Sở GTVT	6,74	9,2%	33,9%	27,3%	27,9%	33,8%	26,6%	25,4%
10	Sở Tài chính	7,33	6,7%	31,1%	22,1%	27,5%	37,7%	24,4%	25,9%
11	Công an tỉnh	7,59	5,5%	31,5%	22,6%	19,5%	44,8%	25,8%	28,3%
12	VP UBND tỉnh	7,71	6,4%	32,1%	21,2%	18,3%	34,8%	26,8%	28,1%
13	Thanh tra tỉnh	7,68	5,0%	27,1%	17,8%	26,7%	43,2%	17,4%	21,8%
14	BQL các KCN tỉnh	7,00	7,7%	47,4%	25,6%	25,0%	46,5%	19,0%	27,3%
15	Cục thuế tỉnh	6,51	5,7%	19,3%	18,2%	21,4%	35,8%	23,4%	9,8%
16	BHXX tỉnh	7,28	4,1%	30,0%	26,9%	39,7%	27,6%	24,5%	24,5%
17	Sở KH&CN	7,49	5,0%	28,9%	20,0%	25,5%	41,2%	20,0%	22,0%
18	Sở VH,TT&DL	7,66	5,1%	34,1%	21,3%	28,6%	34,0%	23,4%	27,1%
19	Cục QLTT	4,90	6,3%	35,9%	44,5%	34,4%	47,6%	30,2%	17,2%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.6. Hỗ trợ DN

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	DN được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do sở, ban, ngành tổ chức (%DN)	DN đồng ý các chương trình hỗ trợ DN là thiết thực (%DN)	DN được mời/ thông báo tham gia các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN (%DN)	Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin (%DN)
1	Sở KH&ĐT	5,93	71,7%	80,0%	68,8%	88,6%
2	Sở TN&MT	5,54	58,4%	77,8%	75,2%	93,1%
3	Sở Xây dựng	5,76	76,4%	81,2%	63,6%	85,2%
4	Sở Công thương	6,38	78,4%	78,7%	78,6%	82,9%
5	Sở LĐ, TB & XH	6,70	76,3%	78,7%	71,0%	93,9%
6	Sở NN & PTNT	5,84	71,9%	79,6%	68,3%	88,3%
7	Sở TT&TT	7,28	53,4%	88,2%	86,5%	93,5%
8	Sở Tư pháp	6,40	70,4%	84,4%	69,4%	88,4%
9	Sở GTVT	6,37	65,2%	81,6%	74,2%	92,5%
10	Sở Tài chính	6,06	66,3%	82,5%	73,3%	87,5%
11	Công an tỉnh	6,03	71,7%	80,5%	69,1%	88,7%
12	VP UBND tỉnh	7,07	72,6%	83,3%	75,7%	90,9%
13	Thanh tra tỉnh	6,38	69,8%	77,3%	76,5%	93,2%
14	BQL các KCN tỉnh	6,01	71,7%	86,7%	53,8%	91,2%
15	Cục thuế tỉnh	5,79	63,4%	79,6%	70,7%	92,6%
16	BHXH tỉnh	6,12	70,8%	80,5%	70,0%	89,9%
17	Sở KH&CN	6,21	66,1%	82,4%	71,4%	90,9%
18	Sở VH,TT&DL	5,71	69,2%	75,0%	72,3%	92,5%
19	Cục QLTT	5,56	72,6%	77,1%	68,1%	88,4%

2.7. Thiết chế pháp lý

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (%DN)	Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng (%DN)	DN phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề (%DN)*	Có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (%DN)	Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái (%DN)
1	Sở KH&ĐT	8,37	88,5%	90,2%	13,2%	74,6%	76,3%
2	Sở TN&MT	5,86	87,2%	74,0%	15,7%	56,5%	68,7%
3	Sở Xây dựng	6,41	86,9%	68,0%	13,8%	66,9%	73,8%
4	Sở Công thương	6,99	86,3%	76,3%	13,1%	77,5%	69,4%
5	Sở LĐ, TB & XH	7,32	87,8%	83,5%	14,6%	70,2%	69,4%
6	Sở NN & PTNT	7,27	87,5%	71,6%	13,4%	74,0%	76,0%
7	Sở TT&TT	7,77	86,2%	87,3%	10,5%	78,9%	75,4%
8	Sở Tư pháp	7,60	89,8%	75,9%	11,7%	63,9%	70,7%
9	Sở GTVT	6,95	87,3%	74,3%	12,7%	66,7%	77,5%
10	Sở Tài chính	7,95	89,4%	76,7%	12,6%	79,1%	59,3%
11	Công an tỉnh	7,08	84,8%	90,2%	12,2%	74,7%	76,5%
12	VP UBND tỉnh	7,49	90,2%	73,6%	13,8%	63,1%	70,5%
13	Thanh tra tỉnh	7,48	88,3%	81,3%	10,5%	70,2%	65,6%
14	BQL các KCN tỉnh	6,35	86,3%	72,3%	12,2%	69,4%	68,0%
15	Cục thuế tỉnh	7,31	88,6%	75,3%	12,1%	71,6%	63,2%
16	BHXX tỉnh	7,18	88,9%	73,6%	13,6%	64,4%	73,4%
17	Sở KH&CN	6,39	86,2%	74,5%	12,3%	77,2%	53,6%
18	Sở VH,TT&DL	6,89	87,5%	74,1%	10,7%	71,4%	63,0%
19	Cục QLTT	5,92	85,6%	71,4%	20,5%	75,4%	64,0%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.8. Vai trò người đứng đầu

STT	Sở, ban, ngành	Điểm số	Lãnh đạo sở, ban, ngành có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại đơn vị (%DN)	Lãnh đạo sở, ban, ngành có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm (%DN)	Lãnh đạo sở, ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN (%DN)	Lãnh đạo sở, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN (%DN)	Lãnh đạo sở, ngành chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN (%DN)*	Tồn tại hiện tượng "Cấp thực thi chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành từ cấp lãnh đạo" (%DN)*
1	Sở KH&ĐT	6,41	84,5%	77,2%	79,3%	92,9%	39,3%	34,8%
2	Sở TN&MT	6,32	81,8%	76,3%	77,8%	90,8%	34,8%	27,8%
3	Sở Xây dựng	6,10	89,1%	78,9%	71,0%	87,1%	40,4%	28,4%
4	Sở Công thương	6,55	84,8%	79,1%	78,0%	93,9%	42,9%	32,4%
5	Sở LĐ, TB & XH	6,52	87,1%	88,2%	82,3%	83,5%	40,8%	34,9%
6	Sở NN & PTNT	6,40	84,1%	76,5%	79,4%	93,2%	38,7%	34,6%
7	Sở TT&TT	6,87	84,4%	86,9%	80,6%	88,5%	42,9%	27,9%
8	Sở Tư pháp	6,71	88,6%	79,1%	80,9%	86,6%	37,1%	27,5%
9	Sở GTVT	6,12	81,3%	75,3%	77,2%	90,8%	36,3%	26,9%
10	Sở Tài chính	5,74	86,2%	75,3%	79,8%	84,9%	38,5%	30,5%
11	Công an tỉnh	6,44	84,7%	77,2%	79,4%	93,1%	39,4%	34,9%
12	VP UBND tỉnh	6,73	82,2%	88,7%	78,2%	85,3%	36,1%	26,7%
13	Thanh tra tỉnh	6,48	83,3%	82,5%	79,6%	89,6%	42,4%	28,6%
14	BQL các KCN tỉnh	5,87	91,2%	75,4%	69,6%	83,6%	37,9%	23,6%
15	Cục thuế tỉnh	6,31	92,0%	84,6%	74,4%	91,2%	63,5%	26,9%
16	BHXH tỉnh	5,96	79,1%	88,8%	85,0%	93,2%	43,6%	58,4%
17	Sở KH&CN	6,79	87,3%	83,6%	83,6%	87,9%	44,3%	29,5%
18	Sở VH,TT&DL	6,42	88,9%	73,3%	71,0%	90,0%	34,9%	24,2%
19	Cục QLTT	6,18	91,0%	82,9%	77,5%	92,3%	51,3%	45,8%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

PHỤ LỤC 2: Kết quả đánh giá DDCI Đắc Nông cấp huyện

1. Kết quả chung

Cấp huyện	Điểm số DDCI	CSTP 1: Tính minh bạch	CSTP 2: Tính năng động	CSTP 3: Chi phí thời gian	CSTP 4: Chi phí không chính thức	CSTP 5: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 6: Hỗ trợ doanh nghiệp	CSTP 7: Thiết chế pháp lý	CSTP 8: Vai trò người đứng đầu
Huyện Đắk R'Lấp	71,44	7,24	7,21	7,89	6,65	7,06	6,15	6,47	7,92
Huyện Cư Jút	69,61	7,34	7,00	7,15	6,77	6,61	7,23	5,95	7,29
Huyện Đắk Mil	68,88	7,03	6,63	6,91	6,99	6,78	6,66	6,13	7,52
Huyện Đắk Song	67,13	6,23	6,36	7,11	6,44	7,26	6,21	6,35	7,51
Huyện Tuy Đức	59,01	6,91	5,14	4,41	4,55	7,27	5,10	5,93	7,84
Huyện Krông Nô	55,93	7,54	4,45	4,85	5,68	4,43	5,00	5,82	6,08
Thành phố Gia Nghĩa	55,60	5,19	5,24	5,28	5,67	5,76	5,41	5,57	6,27
Huyện Đắk Glong	54,62	5,16	5,07	5,45	5,28	6,54	5,53	5,33	5,55
Cao nhất	71,44	7,54	7,21	7,89	6,99	7,27	7,23	6,47	7,92
Trung vị	63,07	6,97	5,80	6,18	6,06	6,69	5,84	5,94	7,40
Thấp nhất	54,62	5,16	4,45	4,41	4,55	4,43	5,00	5,33	5,55

2. Chi tiết các CSTP

2.1. Tính minh bạch

STT	Cấp huyện	Điểm số	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của cấp huyện để dàng (%DN)	Cần có "mối quan hệ" để có thể tiếp cận được tài liệu của cấp huyện (%DN)*	DN truy cập vào website của các cấp huyện (%DN)	DN cảm nhận thông tin trên Website của cấp huyện là hữu ích (%DN)	Thông tin được cung cấp kịp thời (%DN)	Nội dung thông tin đầy đủ, rõ ràng (%DN)	Cán bộ nhiệt tình cung cấp các thông tin cho DN (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	5,19	79,4%	16,5%	79,8%	68,5%	89,0%	75,3%	33,3%
2	H. Đắk Glong	5,16	88,3%	15,8%	76,6%	66,7%	79,2%	71,4%	39,0%
3	H. Đắk Song	6,23	90,4%	9,6%	82,4%	60,8%	92,4%	72,4%	41,0%
4	H. Krông Nô	7,54	80,3%	8,3%	83,1%	78,7%	87,7%	76,9%	52,3%
5	H. Đắk R'Lấp	7,24	91,6%	10,7%	86,3%	82,4%	92,3%	48,5%	33,3%
6	H. Đắk Mil	7,03	76,6%	7,8%	82,8%	80,5%	85,3%	67,7%	51,2%
7	H. Tuy Đức	6,91	87,5%	12,8%	72,5%	87,5%	91,9%	56,8%	51,4%
8	H. Cư Jút	7,34	94,7%	24,8%	80,7%	87,5%	67,3%	74,3%	52,2%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.2. Tính năng động

STT	Cấp huyện	Điểm số	Khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo cấp huyện nhằm tạo MTKD thuận lợi (%DN)	Cấp huyện chủ động nghiên cứu, trao đổi trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh (%DN)	Cấp huyện kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình (%DN)	Cấp huyện chủ động tham mưu các cấp có thẩm quyền các đề xuất/giải pháp hỗ trợ DN/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn (%DN)	Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ cấp huyện khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên" (%DN)*
1	TP. Gia Nghĩa	5,24	90,2%	46,1%	67,2%	64,8%	23,1%
2	H. Đắk Glong	5,07	85,7%	58,4%	62,3%	66,2%	24,7%
3	H. Đắk Song	6,36	88,5%	44,2%	70,2%	61,0%	9,5%
4	H. Krông Nô	4,45	90,9%	46,2%	60,0%	51,5%	17,5%
5	H. Đắk R'Lấp	7,21	93,0%	53,8%	72,9%	63,1%	14,6%
6	H. Đắk Mil	6,63	85,9%	31,8%	76,6%	71,9%	9,4%
7	H. Tuy Đức	5,14	85,0%	62,5%	72,5%	52,5%	20,5%
8	H. Cư Jút	7,00	86,8%	42,5%	87,5%	67,3%	14,5%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.3. Chi phí thời gian

STT	Cấp huyện	Điểm số	Tỷ lệ DN bị thanh tra, kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm qua (%DN)*	Nội dung thanh, kiểm tra trùng lặp (trường hợp DN bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên trong năm) (%DN)	Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (%DN)	Công tác phối hợp để giải quyết công việc cho DN của đơn vị được thực hiện tốt (%DN)	Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn (%DN)*	Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%DN)	Tuân thủ quy định về thời gian xử lý TTHC tại cấp huyện (%DN)	Tỷ lệ DN đi từ 1-2 lần để hoàn tất TTHC (không kể lần đến tìm hiểu đầu tiên) (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	5,28	20,6%	17,3%	70,9%	87,2%	34,2%	90,2%	92,6%	83,5%
2	H. Đắk Glong	5,45	5,6%	6,8%	62,5%	84,2%	30,3%	85,7%	93,4%	82,9%
3	H. Đắk Song	7,11	7,7%	8,7%	88,3%	84,6%	15,4%	88,5%	89,5%	90,5%
4	H. Krông Nô	4,85	8,0%	25,0%	67,6%	89,1%	33,9%	85,9%	90,6%	84,4%
5	H. Đắk R'Lấp	7,89	3,9%	16,7%	69,8%	89,1%	16,2%	91,5%	93,1%	91,5%
6	H. Đắk Mil	6,91	14,3%	22,1%	52,0%	92,2%	15,5%	90,6%	93,0%	93,0%
7	H. Tuy Đức	4,41	7,9%	21,1%	50,0%	82,5%	27,5%	92,3%	87,2%	71,8%
8	H. Cư Jút	7,15	12,6%	16,7%	67,9%	95,6%	15,9%	91,7%	88,8%	87,7%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.4. Chi phí không chính thức

STT	Cấp huyện	Điểm số	Tỷ lệ % DN có trả chi phí không chính thức (%DN)*	Hiện tượng nhùng nhieu là phổ biến khi giải quyết TTHC hoặc các công việc liên quan tại cấp huyện (%DN)*	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (%DN)	Công việc đạt kết quả hơn nếu chi trả chi phí không chính thức (%DN)*	Chi phí không chính thức được giảm bớt (về giá trị khoản CPKCT) (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	5,67	12,3%	11,9%	42,2%	27,8%	21,4%
2	H. Đắk Glong	5,28	15,6%	13,5%	27,6%	25,0%	35,2%
3	H. Đắk Song	6,44	7,6%	8,6%	13,3%	10,6%	29,4%
4	H. Krông Nô	5,68	11,5%	6,5%	24,6%	30,2%	32,2%
5	H. Đắk R'Lấp	6,65	9,3%	10,9%	11,6%	10,9%	42,6%
6	H. Đắk Mil	6,99	8,5%	4,7%	19,4%	15,5%	35,8%
7	H. Tuy Đức	4,55	20,0%	12,5%	40,0%	27,5%	20,5%
8	H. Cư Jút	6,77	10,6%	7,9%	37,1%	21,2%	29,7%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.5. Cạnh tranh bình đẳng

STT	Cấp huyện	Điểm số	Cấp huyện có DN sâu sau, DN thân hữu (%DN)*	DN sâu sau, DN thân hữu được ưu ái hơn trong tiếp cận nguồn lực nhà nước (ví dụ: đấu thầu, khoáng sản...) (%DN)*	DN lớn được ưu ái hơn DNNVV trong việc tiếp cận thông tin (%DN)*	DN lớn được ưu tiên hơn DNNVV trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC (%DN)*	DN lớn được ưu đãi hơn so với DNNVV (%DN)*	Việc ưu ái cho các DN lớn, DN sâu sau, DN thân hữu gây khó khăn cho DN (%DN)*	Cấp huyện thường xuyên quan tâm đến các DNNVV (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	5,76	10,7%	20,6%	25,3%	25,5%	37,2%	48,3%	28,1%
2	H. Đắk Glong	6,54	15,8%	32,9%	23,9%	18,6%	41,4%	22,5%	25,0%
3	H. Đắk Song	7,26	5,8%	17,6%	14,6%	20,6%	34,3%	19,8%	12,7%
4	H. Krông Nô	4,43	13,6%	42,2%	39,1%	46,2%	43,5%	34,9%	25,4%
5	H. Đắk R'Lấp	7,06	7,7%	20,8%	35,2%	43,8%	56,6%	17,8%	28,5%
6	H. Đắk Mil	6,78	5,4%	14,8%	13,2%	21,1%	38,1%	31,0%	15,5%
7	H. Tuy Đức	7,27	5,3%	26,3%	34,2%	27,0%	50,0%	28,9%	31,6%
8	H. Cư Jút	6,61	8,4%	12,0%	22,5%	25,3%	40,0%	40,2%	26,0%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.6. Hỗ trợ DN

STT	Cấp huyện	Điểm số	DN được mời/thông báo và tham gia các chương trình hỗ trợ DN (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do cấp huyện tổ chức (%DN)	DN đồng ý các chương trình hỗ trợ DN là thiết thực (%DN)	DN được mời/ thông báo tham gia các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại DN (%DN)	Vướng mắc, khó khăn được tháo gỡ kịp thời tại/sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	5,41	62,3%	82,0%	66,0%	89,4%
2	H. Đắk Glong	5,53	57,1%	90,0%	75,3%	76,6%
3	H. Đắk Song	6,21	65,0%	76,1%	78,6%	95,1%
4	H. Krông Nô	5,00	78,5%	75,5%	73,8%	75,4%
5	H. Đắk R'Lấp	6,15	77,7%	87,5%	76,9%	69,8%
6	H. Đắk Mil	6,66	59,1%	86,5%	88,0%	83,3%
7	H. Tuy Đức	5,10	71,8%	72,0%	77,8%	83,8%
8	H. Cư Jút	7,23	85,6%	76,9%	81,3%	87,4%

2.7. Thiết chế pháp lý

STT	Cấp huyện	Điểm số	Việc thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (%DN)	Phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN luôn được giải quyết thỏa đáng (%DN)	DN phải phản ánh, kiến nghị, khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề (%DN)*	Có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại (%DN)	Có hỗ trợ pháp lý cho DN phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi sai trái (%DN)
1	TP. Gia Nghĩa	5,57	88,1%	65,6%	36,6%	63,4%	74,7%
2	H. Đắk Glong	5,33	80,5%	85,5%	13,0%	77,3%	74,0%
3	H. Đắk Song	6,35	82,9%	85,6%	6,7%	77,1%	70,2%
4	H. Krông Nô	5,82	86,2%	75,0%	23,4%	68,8%	66,7%
5	H. Đắk R'Lấp	6,47	87,7%	53,1%	13,8%	76,2%	66,7%
6	H. Đắk Mil	6,13	86,6%	82,0%	20,6%	74,6%	49,2%
7	H. Tuy Đức	5,93	84,6%	76,9%	12,8%	66,7%	74,4%
8	H. Cư Jút	5,95	82,1%	76,6%	9,9%	72,1%	89,2%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

2.8. Vai trò người đứng đầu

STT	Cấp huyện	Điểm số	Lãnh đạo cấp huyện có ảnh hưởng quyết định đến công tác CCHC tại địa phương (%DN)	Lãnh đạo cấp huyện có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm (%DN)	Lãnh đạo cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN (%DN)	Lãnh đạo cấp huyện lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của DN (%DN)	Lãnh đạo cấp huyện chưa giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của DN (%DN)*	Tồn tại hiện tượng “Cấp thực thị chưa thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành từ cấp lãnh đạo” diễn ra trong đơn vị (%DN)*
1	TP. Gia Nghĩa	6,27	84,6%	80,4%	80,1%	91,6%	41,8%	38,7%
2	H. Đắk Glong	5,55	93,5%	84,1%	55,3%	88,9%	54,5%	28,9%
3	H. Đắk Song	7,51	93,3%	87,4%	76,2%	96,2%	54,3%	33,3%
4	H. Krông Nô	6,08	95,0%	85,7%	76,7%	83,1%	54,5%	32,2%
5	H. Đắk R'Lấp	7,92	92,3%	89,1%	78,3%	92,2%	48,5%	24,0%
6	H. Đắk Mil	7,52	96,1%	86,6%	76,0%	93,0%	35,7%	51,2%
7	H. Tuy Đức	7,84	92,5%	89,7%	80,0%	92,5%	42,5%	37,5%
8	H. Cư Jút	7,29	88,6%	91,8%	79,6%	89,1%	40,7%	38,9%

Tiêu chí có (*) là tiêu chí nghịch

Chỉ đạo triển khai:

Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đắk Nông

Đơn vị chủ trì:

Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông

Đơn vị khảo sát:

Bưu điện tỉnh Đắk Nông

Tư vấn triển khai:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng



BÁO CÁO

**Đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI)
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023**

DDCI ĐẮK NÔNG 2023